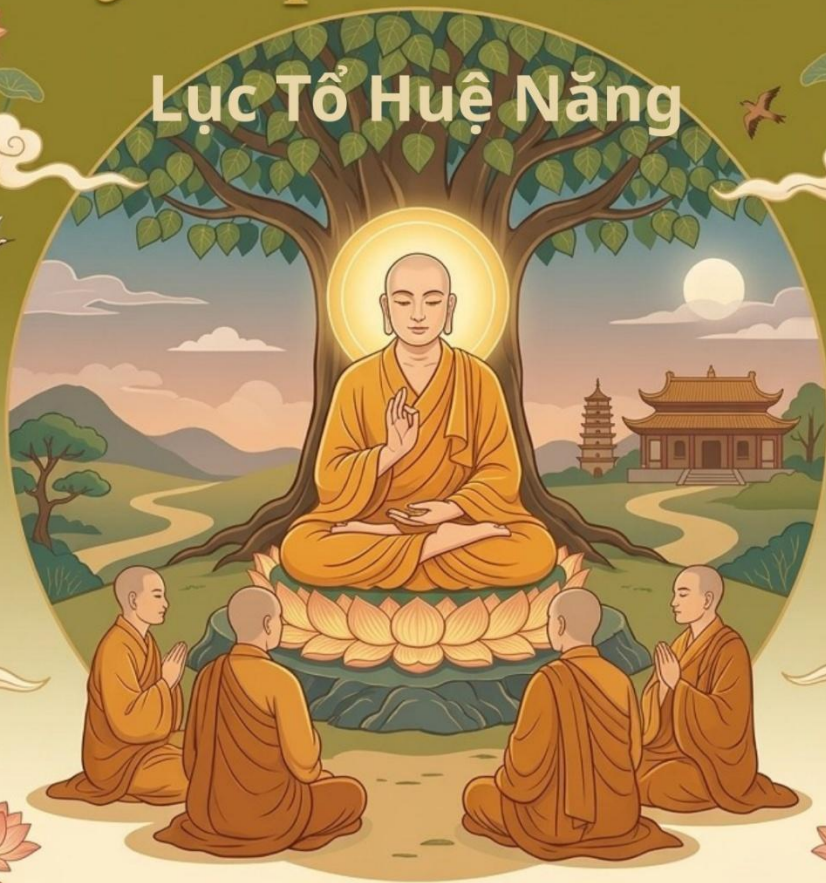


Kinh Pháp Bảo Đàn

Lục Tổ Huệ Năng



TS. Thích Thanh Từ dịch

MỤC LỤC:

PHẨM THỨ NHẤT: HÀNH DO	1
PHẨM THỨ HAI: BÁT NHÃ	19
PHẨM THỨ BA: NGHI VẤN.....	33
PHẨM THỨ TƯ: ĐỊNH TUỆ	40
PHẨM THỨ NĂM: TỌA THIỀN	45
PHẨM THỨ SÁU: SÁM HỐI.....	47
PHẨM THỨ BẢY: CƠ DUYÊN.....	58
PHẨM THỨ TÁM: ĐÓN TIỆM	86
PHẨM THỨ CHÍN: TUYÊN CHIẾU	98
PHẨM THỨ MƯỜI: PHÓ CHÚC	102

PHẨM THỨ NHẤT: HÀNH DO

Khi ấy Đại sư đến chùa Bảo Lâm tại Thiều Châu, Thứ sử Vi Cừ cùng với quan liêu vào núi thỉnh Sư đến trong thành, ở chùa Đại Phạm, tại giảng đường vì chúng khai duyên nói pháp. Sư đăng tòa, Thứ sử quan liêu hơn ba mươi người, Nho tông học sĩ hơn ba mươi người, Tăng Ni đạo tục hơn một ngàn người đồng thời làm lễ, nguyện được nghe pháp yếu.

Lục Tổ bảo chúng rằng: Nay Thiện tri thức, Bồ-đề tự tánh xưa nay thanh tịnh, chỉ dùng tâm này, thẳng đó trọn được thành Phật. Nay Thiện tri thức, hãy lắng nghe Huệ Năng nói về hành do được pháp. Nghiêm phụ của Huệ Năng vốn quán ở Phạm Dương, bị giáng đày ra Lĩnh Nam, làm thường dân ở Tân Châu. Thân này bất hạnh, cha lại mất sớm, mẹ góa con cô dờn đến Nam Hải, gian nan nghèo khổ, thường ra chợ bán củi. Khi ấy có một người khách mua, bảo gánh đến khách điếm, khách nhận củi xong, Huệ Năng lãnh tiền, lui

ra khỏi cửa, thấy một người khách tụng kinh, Huệ Năng một phen nghe lời kinh, tâm liền khai ngộ, bèn hỏi khách tụng kinh gì. Khách bảo: “Kinh Kim Cang.”

Huệ Năng lại hỏi: “Ở đâu đến thọ trì kinh này?”

Khách bảo: “Tôi từ chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai, Kỳ Châu đến. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Đại sư làm chủ giáo hóa, đệ tử có hơn một ngàn người, tôi đến đó lễ bái, nghe nhận kinh này. Đại sư thường khuyên kẻ tăng người tục chỉ trì kinh Kim Cang liền được thấy tánh, thẳng đó thành Phật.”

Huệ Năng nghe nói, do đời trước có duyên, mới được một người khách cho Huệ Năng một số bạc là mười lượng để giúp nuôi dưỡng mẹ già và bảo đến Huỳnh Mai tham vấn Ngũ Tổ.

Huệ Năng an trí mẹ xong liền từ giã ra đi, không hơn ba mươi ngày liền đến Huỳnh Mai lễ bái Ngũ Tổ. Tổ hỏi: “Người từ phương nào đến, muốn cầu vật gì?”

Huệ Năng đáp: “Đệ tử là dân Tân Châu thuộc Lãnh Nam, từ xa đến lễ Thầy, chỉ cầu làm Phật, chớ không cầu gì khác!”

Tổ bảo: “Ông là người Lãn Nam, lại là người quê mùa, làm sao kham làm Phật?”

Huệ Năng liền đáp: “Người tuy có Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Nam Bắc, thân quê mùa này cùng với Hòa thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai khác.”

Ngũ Tổ muốn cùng tôi nói chuyện, lại thấy đồ chúng hai bên đông, mới bảo theo chúng làm công tác. Huệ Năng thưa: “Huệ Năng xin bạch Hòa thượng, tự tâm đệ tử thường sanh trí tuệ, không lia tự tánh tức là phước điền, chưa biết Hòa thượng dạy con làm việc gì?”

Tổ bảo: “Kẻ nhà quê này, căn tánh rất lanh lợi, ông chớ nói nữa, xuống nhà trù đi.”

Huệ Năng lui lại nhà sau, có một người cư sĩ sai Huệ Năng bửa củi, giã gạo, trải hơn tám tháng. Một hôm, Tổ chợt thấy Huệ Năng, mới bảo: “Ta nghĩ chỗ thấy của ngươi có thể dùng, nhưng sợ có người ác hại ngươi, nên không nói cùng ngươi, ngươi có biết chăng?”

Huệ Năng thưa: “Đệ tử cũng biết ý của Thầy nên không dám đến nhà trên, để người không biết.”

Một hôm, Ngũ Tổ bảo các đệ tử: “Tất cả hãy đến, ta nói với các ông: Người đời sanh tử là việc lớn, các ông trọn ngày chỉ cầu phước điền, chẳng cầu ra khỏi biển khổ sanh tử, tự tánh nếu mê thì phước nào có thể cứu? Các ông, mỗi người hãy đi, tự xem trí tuệ của mình, nhận lấy tánh Bát-nhã nơi bản tâm mình, mỗi người làm một bài kệ đến trình cho ta xem, nếu ngộ được đại ý thì ta trao y pháp làm Tổ thứ sáu. Phải nhanh đi, không được chậm trễ, suy nghĩ tức là không trúng. Người kiến tánh ngay lời nói phải thấy, nếu như người này dù khi múa đao giữa trận cũng được thấy tánh.” (Đây là dụ cho người lợi căn thấy cơ thì làm.)

Chúng được chỉ dạy, trở về họp bàn với nhau: “Tất cả chúng ta không cần phải lắng lòng dụng ý làm kệ để trình Hòa thượng, đâu có lợi ích gì? Thượng tọa Thần Tú, hiện làm Giáo thọ sư, ắt là người được, chúng ta có gắng làm kệ tụng cũng uổng dụng tâm lực.” Mọi người nghe lời này, thấy đều đồng ý nói: “Chúng ta về sau y chỉ Thượng tọa Thần Tú, nhọc gì phải làm kệ.”

Thần Tú suy nghĩ: “Các người đều không trình kệ vì ta làm Giáo thọ sư cho họ, ta cần

phải làm kệ trình lên Hòa thượng; nếu không trình kệ thì Hòa thượng đâu biết được kiến giải trong tâm ta cạn hay sâu? Ý ta trình kệ, cầu pháp thì tốt, cầu làm Tổ thì xấu, vì đồng với tâm của kẻ phạm, muốn cướp được ngôi vị Thánh không khác, nếu chẳng trình kệ thì trọn không được pháp. Rất khó! Rất khó!”

Trước nhà của Ngũ Tổ có một hành lang ba gian, Ngũ Tổ nghĩ mời ông Cung Phụng Lưu Trân đến vẽ “Lăng-già biến tướng và Ngũ Tổ huyết mạch đồ” để lưu truyền cúng dường. Ngài Thần Tú làm kệ rồi, mấy phen muốn trình, đi đến nhà trước thì trong tâm hoảng hốt, khắp thân đổ mồ hôi, nghĩ trình chẳng được. Trước sau trải qua bốn ngày, đến mười ba lần, trình kệ không được. Thần Tú mới suy nghĩ: “Chẳng bằng đến dưới hành lang viết (bài kệ), Hòa thượng đi qua xem thấy, nếu chột bảo rằng hay thì mình ra lễ bái thừa của Thần Tú làm; nếu nói không kham, thật uổng công ở núi mấy năm, thọ người lễ bái, lại tu đạo gì?” Canh ba đêm ấy, không cho người biết, Ngài tự cầm đèn viết bài kệ ở vách phương Nam để trình chỗ tâm mình thấy được. Bài kệ rằng:

Thân là cội bờ-đề,

Tâm như đài gương sáng.

Luôn luôn phải lau chùi,

Chớ để dính bụi bặm.

(Thân thị bồ-đề thọ,

Tâm như minh cảnh đài.

Thời thời cần phát thức,

Vật sử nhạ trần ai.)

Ngài Thần Tú viết kệ xong, liền trở về phòng, mọi người đều chẳng biết. Thần Tú lại suy nghĩ: “Ngày mai Ngũ Tổ thấy bài kệ, nếu hoan hỉ tức ta cùng pháp có duyên, nếu nói không kham, tự là ta mê, nghiệp duyên đời trước nặng nề, không hợp được pháp, thật là Thánh ý khó lường.” Trong phòng suy nghĩ, ngồi nằm chẳng an cho đến canh năm.

Ngũ Tổ đã biết Thần Tú vào cửa chưa được, không thấy tự tánh. Sáng hôm sau, Tổ gọi ông Lư Cung Phụng đến hành lang phía Nam để vẽ đồ tướng trên vách, chợt thấy bài kệ, Ngài bảo Cung Phụng rằng: “Thôi chẳng cần phải vẽ, nhọc công ông từ xa đến. Trong Kinh có nói: Phạm những gì có tướng đều là hư vọng, chỉ để lại một bài kệ này cho người

tụng đọc thọ trì, y bài kệ này tu thì khỏi đọa trong ác đạo, y bài kệ này tu thì được lợi ích lớn.” Khiến đồ đệ thấp hương lễ bái cung kính và tụng đọc bài kệ này tức được thấy tánh. Môn nhân tụng bài kệ đều khen: “Hay thay!”

Đến canh ba, Tổ mới gọi Thần Tú vào trong thất hỏi: “Kệ đó, phải ông làm chăng?”

Ngài Thần Tú thưa: “Thật là con làm, chẳng dám vọng cầu Tổ vị, chỉ mong Hòa thượng từ bi xem đệ tử có chút ít trí tuệ chăng?”

Tổ bảo: “Ông làm bài kệ này chưa thấy được bản tánh, chỉ đến ngoài cửa, chưa vào được trong cửa, kiến giải như thế tìm Vô thượng Bồ-đề, trọn không thể được. Vô thượng Bồ-đề phải được ngay nơi lời nói mà biết bản tâm mình, thấy được bản tánh mình chẳng sanh chẳng diệt, đối trong tất cả thời mỗi niệm mỗi niệm tự thấy, muôn pháp đều không kẹt, một chân tất cả đều chân, muôn cảnh tự như như, tâm như như đó tức là chân thật. Nếu thấy được như thế tức là tự tánh Vô thượng Bồ-đề. Ông hãy đi, một hai ngày sau, suy nghĩ làm một bài kệ khác đem lại tôi xem,

bài kê của ông nếu vào được cửa, sẽ trao y pháp cho ông”.

Ngài Thần Tú làm lễ lui ra, trải qua mấy ngày, làm kê cũng không thành, trong tâm hoảng hốt, thần tư bất an, ví như ở trong mộng, đi ngồi không vui.

Lại hai ngày sau, có một chú bé đi qua chỗ già gạo, đọc bài kê này. Huệ Năng vừa nghe liền biết bài kê này chưa thấy được bản tánh. Tuy chưa nhờ chỉ dạy mà sớm đã biết được đại ý, bèn hỏi chú bé: “Tụng đó là kê gì?”

Chú bé đáp: “Cái ông nhà quê không biết, Đại sư nói: Người đời sanh tử là việc lớn, muốn được truyền y pháp, khiến đệ tử làm kê trình Ngài xem, nếu ngộ được đại ý, liền trao y pháp làm Tổ thứ sáu. Thượng tọa Thần Tú viết bài kê Vô tướng ở vách hành lang phía Nam, Đại sư khiến người đều đọc, y kê này tu sẽ khỏi đọa đường ác, y kê này tu sẽ có lợi ích lớn.”

Huệ Năng thưa: “Thượng nhân, đã hơn tám tháng, tôi ở nhà trừ già gạo, chưa từng đến nhà trên, mong thượng nhân dẫn tôi đến trước bài kê lễ bái.”(Có bản nói: Tôi cũng cần tụng bài kê này để kết duyên.) Chú bé dẫn Ngài đến

trước bài kệ lễ bái. Huệ Năng bảo: “Huệ Năng không biết chữ, nhờ thượng nhân vì tôi đọc.”

Khi ấy có quan Biệt Giá ở Giang Châu họ Trương tên Nhật Dụng liền to tiếng đọc. Huệ Năng nghe rồi bèn nói: “Tôi cũng có một bài kệ, mong Biệt Giá vì tôi viết.”

Quan Biệt Giá nói: “Ông cũng làm kệ nữa sao? Việc này thật ít có!”

Huệ Năng nói với Biệt Giá rằng: “Muốn học đạo Vô thượng Bồ-đề, không được khinh người mới học. Kẻ hạ hạ cũng có cái trí thượng thượng, còn người thượng thượng cũng không có ý trí. Nếu khinh người thì có vô lượng vô biên tội”.

Quan Biệt Giá nói: “Ông chỉ tụng kệ, tôi vì ông viết, ông nếu được pháp, trước phải độ tôi, chớ quên lời này.” Huệ Năng đọc bài kệ:

Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng cũng chẳng đài.
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào dính bụi bặm?
*(Bồ đề bốn vô thọ,
Minh cảnh diệt phi đài.*

Bản lai vô nhất vật,

Hà xứ nhạ trần ai?)

Khi viết bài kệ rồi, đồ chúng thấy đều kinh hoàng, không ai mà chẳng xuýt xoa, mọi người bảo nhau rằng: “Lạ thay! Không thể do tướng mạo mà đoán người, đã bao lâu nay sai nhục thân Bồ-tát làm việc.” Tổ thấy cả chúng đều kinh ngạc, sợ có người làm hại Ngài, mới lấy giày xóa hết bài kệ, nói: “Cũng chưa thấy tánh.” Chúng cho là đúng.

Ngày kế Tổ thăm đến chỗ già gạo thấy Huệ Năng đeo đá già gạo, mới bảo rằng: “Người cầu đạo vì pháp quên mình đến thế ư?”

Tổ lại hỏi: “Gạo trắng hay chưa?”

Huệ Năng thưa: “Gạo trắng đã lâu, còn thiếu giần sàng.”

Tổ lấy gậy gõ vào cối ba tiếng rồi đi. Huệ Năng liền hội được ý Tổ, đến khi trống đổ canh ba liền lén vào thất. Tổ lấy cà-sa che chung quanh không để người thấy, vì nói kinh Kim Cang, đến câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, Huệ Năng ngay lời đó đại ngộ, thấy tất cả muôn pháp chẳng lìa tự tánh, liền thưa Tổ rằng:

Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,
 Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt,
 Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ,
 Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động,
 Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp!

Ngũ Tổ biết Huệ Năng đã ngộ được bản tánh mới bảo: “Chẳng biết bản tâm, học pháp vô ích, nếu biết được bản tâm mình, thấy được bản tánh mình, tức gọi là Trượng phu, là Thầy của trời người, là Phật.” Canh ba thọ pháp, người trợn không biết, Tổ liền truyền pháp đốn giáo và y bát, nói rằng: “Người là vị Tổ đời thứ sáu, khéo tự hộ niệm, rộng độ chúng hữu tình, truyền khắp đời sau, không khiến cho đoạn tuyệt. Nghe ta nói kệ :

Hữu tình đến gieo giống,
 Nhân đất quả lại sanh.
 Vô tình cũng không giống,
 Không tánh cũng không sanh.”

Tổ lại bảo: “Xưa Đại sư Đạt-ma ban đầu đến cõi này, người chưa tin nên mới truyền y này để làm tín thể, đời đời truyền nhau, pháp thì dùng tâm truyền tâm, đều khiến cho tự ngộ

tự giải. Từ xưa Phật Phật chỉ truyền bản thể, thầy thầy thâm trao bản tâm, y là đầu mối của sự tranh giành, nên dừng ngay nơi người, chớ truyền nữa. Nếu truyền y này thì mạng của người nhận y cũng như sợi chỉ mảnh. Ông phải đi nhanh e người hại ông.”

Huệ Năng thưa: “Bây giờ con phải đi đâu?”

Tổ bảo: “Gặp áp Hoài thì dừng, gặp áp Hội thì ẩn.”

Huệ Năng canh ba lãnh được y bát, thưa: “Huệ Năng vốn là người miền Nam, không biết đường đi, làm sao ra được bến đò?”

Ngũ Tổ bảo: “Ông chẳng phải lo, ta tự đưa ông đi.”

Tổ liền đưa đến bến đò Cửu Giang, Tổ bảo lên thuyền, Ngũ Tổ bèn cầm chèo tự chèo.

Huệ Năng thưa: “Thỉnh Hòa thượng ngồi, để đệ tử chèo.”

Tổ bảo: “Phải là ta độ ông.”

Huệ Năng thưa: “Khi mê thì Thầy độ, ngộ rồi thì tự độ. Độ tên tuy là một nhưng chỗ dùng không đồng. Huệ Năng sanh nơi biên phương,

tiếng nói không đúng, nhờ Thầy truyền pháp nay đã được ngộ, chỉ nên tự tánh tự độ.”

Tổ bảo: “Nhu thế! Nhu thế! Về sau Phật pháp do ông mà được thanh hành, ông đi ba năm, ta sẽ thế thế. Nay ông đi an vui, nỗ lực hướng về Nam, không nên nói pháp sớm, Phật pháp sẽ gặp tai nạn.”

Huệ Năng từ già Ngũ Tổ rồi cất bước đi về phương Nam, trong khoảng hai tháng đến ngọn núi Đại Dữu.

Ngũ Tổ trở về, mấy ngày không thượng đường, chúng nghi mới đến hỏi: “Hòa thượng có ít bệnh, ít não chăng?”

Ngài đáp: “Bệnh thì không, mà y pháp đã về Nam rồi.”

Chúng hỏi: “Ai là người được truyền?”

Tổ bảo: “Người có khả năng thì được.”

Chúng liền biết. Khi đó vài trăm người đuổi theo, muốn cướp y bát, một vị tăng họ Trần, tên Huệ Minh, trước là tướng quân bậc Tứ phẩm, tánh hạnh thô tháo, hết lòng theo tìm, chạy trước mọi người, đuổi kịp Huệ Năng. Huệ Năng để y bát trên bàn thạch nói: “Y này là biểu tín, có thể dùng sức mà tranh sao!”

Huệ Năng liền ẩn trong lùm cỏ, Huệ Minh đến cầm y lên mà không nhúc nhích, mới kêu rằng: “Cư sĩ, cư sĩ! Tôi vì pháp mà đến chớ không phải vì y.”

Huệ Năng bèn bước ra ngồi trên bàn thạch. Huệ Minh liền làm lễ thưa: “Mong cư sĩ vì tôi nói pháp.”

Huệ Năng bảo: “Ông đã vì pháp mà đến thì nên dứt sạch các duyên, chớ sanh một niệm, tôi vì ông nói.”

Huệ Minh im lặng giây lâu. Huệ Năng bảo: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?”

Huệ Minh ngay câu nói đó liền đại ngộ. Lại hỏi: “Ngoài mật ngữ, mật ý trên, còn có mật ý khác chăng?”

Huệ Năng bảo: “Vì ông nói tức không phải mật vậy, ông nếu phản chiếu thì mật ở bên ông.”

Huệ Minh thưa: “Huệ Minh tuy ở Huỳnh Mai, thật chưa có tỉnh diện mục của chính mình, nay nhờ chỉ dạy như người uống nước

lạnh nóng tự biết. Nay cư sĩ tức là Thầy của Huệ Minh.”

Huệ Năng bảo: “Ông nếu như thế thì tôi cùng ông đồng thờ Thầy Huỳnh Mai, khéo tự hộ trì.”

Huệ Minh lại thưa: “Huệ Minh từ nay về sau nhằm chỗ nào đi?”

Huệ Năng bảo: “Gặp Viên thì dừng, gặp Mông thì ở.”

Huệ Minh liền lễ từ. Huệ Minh trở về, xuống núi bảo những người đuổi theo: “Đi trên những đồi núi này trọn không tìm ra tung tích, phải đi qua đường khác tìm.” Cả chúng đuổi theo đều cho là đúng. Huệ Minh về sau đổi tên là Đạo Minh, đó là tránh chữ đầu của tên Thầy.

Huệ Năng sau đến Tào Khê lại bị bọn người ác tìm đuổi mới ở nơi Tứ Hội tị nạn trong đám thợ săn, trải qua mười lăm năm, khi đó cùng những người thợ săn tùy nghi nói pháp. Những người thợ săn thường bảo giữ giềng lưới, khi Huệ Năng thấy những con vật mắc lưới đều thả. Mỗi khi đến bữa ăn, hái rau

gởi lược trong nồi thịt, hoặc có người hỏi thì đáp: “Chỉ ăn rau ở bên thịt.”

Một hôm, mới suy nghĩ: “Thời hoàng pháp đã đến, không nên trốn trốn lánh.” Huệ Năng liền đến chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, gặp Pháp sư Ấn Tông đang giảng kinh Niết-bàn. Khi ấy có gió thổi, lá phướn động, một vị tăng nói gió động, một vị tăng nói phướn động, hai người cãi nhau không thôi. Huệ Năng tiến tới nói: “Không phải gió động, không phải phướn động, tâm nhân giả động.”

Cả chúng đều ngạc nhiên. Ấn Tông mời Huệ Năng đến chiếu trên gạn hỏi áo nghĩa, thấy Huệ Năng đối đáp, lời nói giản dị mà nghĩa lý rất đúng, không theo văn tự. Ấn Tông nói: “Cư sĩ quyết định không phải là người thường, đã lâu nghe y pháp của Huỳnh Mai đi về phương Nam, đâu chẳng phải là cư sĩ?”

Huệ Năng nói: “Chẳng dám.”

Ấn Tông liền làm lễ, xin đưa y bát đã được truyền cho đại chúng xem. Ấn Tông lại thưa: “Huỳnh Mai phó chúc, việc chỉ dạy như thế nào?”

Huệ Năng bảo: “Chỉ dạy tức không, chỉ luận về kiến tánh, chẳng luận thiên định giải thoát.”

Ấn Tông thưa: “Sao chẳng luận thiên định giải thoát?”

Huệ Năng bảo: “Vì ấy là hai pháp, không phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp chẳng hai.”

Ấn Tông lại hỏi: “Thế nào Phật pháp là pháp chẳng hai?”

Huệ Năng bảo: “Pháp sư giảng kinh Niết-bàn, rõ được Phật tánh, ấy là Phật pháp là pháp chẳng hai. Như Bồ-tát Cao Quý Đức Vương bạch Phật: Phạm tứ trọng cấm, tạo tội ngũ nghịch và nhất xiển-đề v.v... sẽ đoạn thiện căn Phật tánh chẳng? Phật bảo: Thiện căn có hai, một là thường, hai là vô thường, Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, thế nên chẳng đoạn, gọi là chẳng hai; một là thiện, hai là chẳng thiện, Phật tánh chẳng phải thiện, chẳng phải chẳng thiện, ấy là chẳng hai; uẩn cùng với giới, phàm phu thấy hai, người trí rõ thấu tánh nó không hai, tánh không hai tức là Phật tánh”.

Ấn Tông nghe nói hoan hỉ chấp tay thưa: “**Tôi** giảng kinh ví như ngói gạch, nhân giả luận nghĩa ví như vàng ròng.”

Khi ấy vì **Huệ Năng** cạo tóc, nguyện thờ làm **Thầy**.

Huệ Năng bèn ở dưới cây bồ-đề khai pháp môn **Đông Sơn**. **Huệ Năng** được pháp ở **Đông Sơn**, chịu tất cả những điều cay đắng, mạng giống như sợi chỉ mảnh. Ngày nay được cùng với **Sử quân**, **quan liêu**, **Tăng Ni**, **đạo tục đồng** ở trong hội này đâu không phải là duyên của nhiều kiếp, cũng là ở trong đời quá khứ cúng dường **chư Phật**, đồng gieo trồng căn lành mới nghe cái nhân được pháp môn **đốn giáo** này. **Giáo** ấy là các vị **Thánh** trước đã truyền, không phải tự trí **Huệ Năng** được, mong những người nghe các vị **Thánh** trước dạy, mỗi người khiến cho tâm được thanh tịnh, nghe rồi mỗi người tự trừ nghi, như những vị **Thánh** đời trước không khác. Cả chúng nghe pháp đều hoan hỉ làm lễ rồi lui.

PHẨM THỨ HAI: BÁT NHÃ

Ngày khác, Vi Sử quân thừa thỉnh, Tổ đăng tòa bảo đại chúng: “Tất cả nên tịnh tâm niệm Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa.” Lại bảo: “Này Thiện tri thức, trí Bát-nhã Bồ-đề, người đời vốn tự có, chỉ nhân vì tâm mê không thể tự ngộ, phải nhờ đến Đại thiện tri thức chỉ đường mới thấy được tánh. Phải biết người ngu, người trí Phật tánh vốn không có khác, chỉ duyên mê ngộ không đồng, nên có ngu có trí. Nay tôi vì nói pháp Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, khiến cho các ông, mỗi người được trí tuệ, nên chí tâm lắng nghe, tôi vì các ông mà nói.

Này Thiện tri thức, người đời trọn ngày miệng tụng Bát-nhã nhưng không biết tự tánh Bát-nhã ví như nói ăn mà không no, miệng chỉ nói Không, muôn kiếp chẳng được thấy tánh, trọn không có ích. Này Thiện tri thức, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Đại Trí Tuệ Đến Bờ Kia, nó phải là hành nơi tâm, không phải tụng ở miệng. Miệng tụng mà tâm chẳng hành như huyễn như hóa,

nư sươg, nư điệ. Miệg niệ mà tầ hầ hầ ấ tầ và miệg hợ nầ, bả táh là Phậ, liầ táh khồ riềg có Phậ.

Sao gọ là Ma-ha? Ma-ha là lớ, tầ lượg rộg lớ ví nư hư khồ, khồ có bờ mé, cũg khồ có vuồg trồ lớ nhỏ, cũg khồ phải xầ vầg đỏ trắg, cũg khồ có trầ dướ dầi ngắ, cũg khồ sầ khồ hỉ, khồ phải khồ quầ, khồ thiệ khồ ác, khồ có đầ đườ, cõi nướ chư Phậ trồ đồg vớ hư khồ; điệ táh củ ngườ đời vớ khồ, khồ có mộ phắ có thể đượ, tự táh chầ khồ cũg lại nư thế.

Này Thiệ tri thức, chớ nghe tồ nói Khồ liề chắ khồ, thứ nhất là khồ nề chắ khồ, nếu để tầ khồ mà ngò tĩh tọ, đó tức là chắ vô ký khồ.

Này Thiệ tri thức, thế giớ hư khồ hay bao hầ vậ vậ sắ tượg, mặt trồ, mặt trắg, sao, núi, sông, đầ liề, suối khe, cỏ câ rừng rậ, ngườ lầh ngườ dữ, phắ lầh phắ dữ, thầ đườ đầ ngục, tất cả biể lớ, các núi Tu-di, thắ ở trồ hư khồ. Táh khồ củ ngườ đời cũg lại nư thế.

Này Thiện tri thức, tự tánh hay bao hàm muôn pháp ấy là Đại. Muôn pháp ở trong tự tánh của mọi người, nếu thấy tất cả người ác cùng với lành, trọn đều không chấp, không bỏ, cũng không nhiễm trước, tâm cũng như hư không, gọi đó là Đại, nên nói là Ma-ha.

Này Thiện tri thức, người mê miệng nói, người trí tâm hành. Lại có người mê, để tâm rộng không ngồi tĩnh tọa, trăm việc không cho nghĩ tự gọi là đại, một bọn người này không nên cùng họ nói chuyện vì là tà kiến.

Này Thiện tri thức, tâm lượng rộng lớn khắp giáp cả pháp giới, dụng tức rõ ràng, phân minh ứng dụng liền biết tất cả, tất cả tức một, một tức tất cả, đi lại tự do, tâm thể không bị ngăn ngại tức là Bát-nhã.

Này Thiện tri thức, tất cả trí Bát-nhã đều từ tự tánh sanh, chẳng từ bên ngoài vào, chớ lầm dụng ý nên gọi là chân tánh tự dụng. Một chân thì tất cả chân, tâm lượng rộng lớn không đi theo con đường nhỏ, miệng chớ trọn ngày nói không mà trong tâm chẳng tu hạnh này, giống như người phạm tự xưng là quốc vương trọn không thể được, không phải là đệ tử của ta.

Này Thiện tri thức, sao gọi là Bát-nhã? Bát-nhã, Trung Hoa dịch là trí tuệ. Tất cả chỗ, tất cả thời, mỗi niệm không ngu, thường hành trí tuệ tức là Bát-nhã hạnh. Một niệm ngu tức Bát-nhã bất, một niệm trí tức Bát-nhã sanh. Người đời ngu mê, không thấy Bát-nhã, miệng nói Bát-nhã mà trong tâm thường ngu, thường tự nói ta tu Bát-nhã, niệm niệm nói không nhưng không biết được Chân không. Bát-nhã không có hình tướng, tâm trí tuệ ấy vậy. Nếu khởi hiểu như thế tức gọi là Bát-nhã trí.

Sao gọi là Ba-la-mật? Đây là lời nói của Ấn Độ, Trung Hoa dịch là đến bờ kia, giải nghĩa là lìa sanh diệt; chấp cảnh thì sanh diệt khởi như nước có sóng mồi, tức gọi là bờ này, lìa cảnh thì không sanh diệt như nước thường thông lưu, ấy gọi là bờ kia, nên gọi là Ba-la-mật.

Này Thiện tri thức, người mê miệng tụng, chính khi đang tụng mà có vọng, có quấy; niệm niệm nếu hành Bát-nhã, ấy gọi là chân tánh. Người ngộ được pháp này, ấy là pháp Bát-nhã, người tu hạnh này, ấy là hạnh Bát-nhã. Không tu tức là phàm, một niệm tu hành, tự thân đồng với Phật.

Này Thiện tri thức, phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ-đề. Niệm trước mê tức phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật; niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức Bồ-đề.

Này Thiện tri thức, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật tối tôn, tối thượng, tối đệ nhất, không trụ, không qua cũng không lại, chư Phật ba đời từ trong đó mà ra. Phải dùng đại trí tuệ này đập phá ngũ uẩn, phiền não, trần lao, tu hành như đây quyết định thành Phật đạo, biến tam thành giới định tuệ.

Này Thiện tri thức, pháp môn của tôi đây từ một Bát-nhã phát sanh tám muôn bốn ngàn trí tuệ. Vì cơ sao? Vì người đời có tám muôn bốn ngàn trần lao, nếu không có trần lao thì trí tuệ thường hiện, chẳng lìa tự tánh. Người ngộ pháp này tức là vô niệm, vô ức, vô trước, chẳng khởi cuống vọng, dùng tánh chân như của mình, lấy trí tuệ quán chiếu, đối với tất cả pháp không thủ không xả tức là thấy tánh thành Phật đạo.

Này Thiện tri thức, nếu muốn vào pháp giới thậm thâm và Bát-nhã tammuội thì phải tu Bát-nhã hạnh, phải trì tụng kinh Kim Cang

Bát-nhã tức được thấy tánh, nên biết kinh này công đức vô lượng vô biên, trong kinh đã khen ngợi rõ ràng, không thể nói đầy đủ được. Pháp môn này là Tối thượng thừa, vì những người đại trí mà nói, vì những người thượng căn mà nói. Những người tiểu căn tiểu trí nghe pháp này, tâm sanh không tin. Vì có sao? Ví như có một trận mưa lớn khắp cả cõi nước, thành ấp chợ búa đều bị trôi giạt cũng như trôi những lá táo. Nếu trận mưa lớn đó mưa nơi biển cả thì không tăng không giảm. Như người Đại thừa hoặc người Tối thượng thừa nghe kinh Kim Cang thì tâm khai ngộ, thế nên biết bản tánh họ tự có trí Bát-nhã, tự dùng trí tuệ thường quán chiếu nên không nhờ văn tự. Thí như nước mưa không phải từ trời có, nguyên là từ rỗng mà dấy lên, khiến cho tất cả chúng sanh, tất cả cỏ cây, hữu tình vô tình thủy đều được đượm nhuần. Trăm sông các dòng đều chảy vào biển cả hợp thành một thể, trí tuệ Bát-nhã nơi bản tánh chúng sanh cũng lại như thế.

Này Thiện tri thức, người tiểu căn nghe pháp môn đốn giáo này, ví như là cỏ cây gốc rễ nhỏ, nếu bị mưa to thì đều ngã nghiêng không thể nào tăng trưởng được. Người tiểu căn cũng

lại như thế, vốn có trí tuệ Bát-nhã cùng với người đại trí không sai biệt, nhân sao nghe pháp không thể khai ngộ? Vì do tà kiến chướng nặng, cội gốc phiền não sâu, ví như đám mây lớn che kín mặt trời, không có gió thổi mạnh thì ánh sáng mặt trời không hiện. Trí Bát-nhã cũng không có lớn nhỏ, vì tất cả chúng sanh tự tâm mê ngộ không đồng, tâm mê bên ngoài thấy có tu hành tìm Phật, chưa ngộ được tự tánh tức là tiểu căn. Nếu khai ngộ đốn giáo không thể tu ở bên ngoài, chỉ nơi tâm mình thường khởi chánh kiến, phiền não trần lao thường không bị nhiễm tức là thấy tánh.

Này Thiện tri thức, trong ngoài không trụ, đi lại tự do, hay trừ tâm chấp, thông đạt không ngại, hay tu hạnh này cùng kinh Bát-nhã vốn không sai biệt.

Này Thiện tri thức, tất cả kinh điển và các văn tự, Đại thừa, Tiểu thừa, mười hai bộ kinh đều nhân người mà an trí, nhân tánh trí tuệ mới hay dựng lập. Nếu không có người đời thì tất cả muôn pháp vốn tự chẳng có, thế nên biết muôn pháp vốn tự nhân nơi người mà dựng lập, tất cả kinh sách nhân người mà nói có; nhân vì trong người kia có ngu và có trí, người

ngu là tiểu nhân, người trí là đại nhân, người ngu hỏi nơi người trí, người trí vì người ngu mà nói pháp, người ngu bỗng nhiên ngộ hiểu, tâm được khai tức cùng với người trí không có khác.

Này Thiện tri thức, chẳng ngộ tức Phật là chúng sanh, khi một niệm ngộ chúng sanh là Phật, thế nên biết muôn pháp trọn ở nơi tự tâm, sao chẳng từ trong tự tâm liền thấy được chân như bản tánh? Kinh Bồ-tát Giới nói rằng: Bản tánh của ta nguyên tự thanh tịnh, nếu biết được tự tâm thấy tánh đều thành Phật đạo. Kinh Tịnh Danh nói: Liền khi đó bỗng hoát nhiên được bản tâm.

Này Thiện tri thức, xưa ta ở nơi Ngũ tổ Nhẫn, một phen nghe liền được ngộ, chóng thấy chân như bản tánh, nên đem giáo pháp này lưu hành khiến cho người học đạo chóng ngộ được Bồ-đề. Mỗi người tự quán nơi tâm, tự thấy bản tánh, nếu tự chẳng ngộ phải tìm những bậc Đại thiện tri thức, người hiểu được giáo pháp Tối thượng thừa, chỉ thẳng con đường chánh, ấy là Thiện tri thức có nhân duyên lớn, gọi là hóa đạo khiến được thấy tánh. Tất cả pháp lành nhân nơi Thiện tri thức

mà hay phát khởi. Ba đời chư Phật, mười hai bộ kinh, ở trong tánh của người vốn tự có đủ, không có thể tự ngộ thì phải cầu Thiện tri thức chỉ dạy mới thấy. Nếu tự mình ngộ thì không nhờ cầu bên ngoài, nếu một bề chấp, bảo rằng phải nhờ Thiện tri thức khác mong được giải thoát thì không có lẽ phải. Vì có sao? Trong tự tâm có tri thức tự ngộ, nếu khởi tà mê vọng niệm điên đảo thì Thiện tri thức bên ngoài tuy có giáo hóa chỉ dạy, cứu cũng không thể được. Nếu khởi chánh chân Bát-nhã quán chiếu thì trong khoảng một sát-na vọng niệm đều diệt, nếu biết tự tánh một phen ngộ tức đến quả vị Phật.

Này Thiện tri thức, trí tuệ quán chiếu, trong ngoài sáng suốt, biết bản tâm mình, nếu biết bản tâm tức là gốc của sự giải thoát. Nếu được giải thoát tức là Bát-nhã tam-muội, tức là vô niệm. Sao gọi là vô niệm? Nếu thấy tất cả pháp mà tâm không nhiễm trước ấy là vô niệm, dụng tức khắp tất cả chỗ, cũng không dính mắc tất cả chỗ, chỉ thanh tịnh nơi bản tâm khiến sáu thức ra sáu cửa đối trong sáu trần không nhiễm không tạp, đi lại tự do, thông dụng không kẹt, tức là Bát-nhã tammuội, tự tại giải thoát gọi là vô niệm hạnh. Nếu trăm vật

chẳng nghĩ, chính khi đó khiến cho niệm bật đi, ấy là pháp phược, ấy gọi là biên kiến.

Này Thiện tri thức, người ngộ được pháp vô niệm thì muôn pháp đều thông, người ngộ được pháp vô niệm thì thấy cảnh giới của chư Phật, người ngộ được pháp vô niệm thì đến địa vị Phật.

Này Thiện tri thức, đời sau người được pháp của ta, đem pháp môn đốn giáo này, đối với hàng người đồng kiến đồng hành phát nguyện thọ trì như là thờ Phật, cố gắng tu thân không dám lui sụt thì quyết định vào quả vị Thánh; nhưng phải truyền trao, từ trước đến giờ, thàm truyền trao phó chớ không được giấu kín chánh pháp. Nếu không phải là hàng đồng kiến đồng hành, ở trong pháp môn khác thì không được truyền trao, e tổn tiền nhân kia, cứu kính vô ích, sợ người ngu không hiểu, chê bai pháp môn này rồi trăm kiếp ngàn đời đoạn chủng tánh Phật.

Này Thiện tri thức, tôi có một bài tụng Vô tướng, mỗi người phải tụng lấy, người tại gia, người xuất gia chỉ y đây mà tu, nếu không tụng, chỉ ghi nhớ lời của tôi thì cũng không có ích gì. Nghe tôi tụng đây:

**Thuyết thông và tâm thông,
Nư mặt trời giữa không,
Chỉ truyền pháp kiến tánh,
Ra đời phá tà tông.
Pháp thì không đốn tiệm,
Mê ngộ có mau chậm,
Chỉ pháp kiến tánh này,
Người ngu không thể hiểu.
Nói tuy có muôn thứ,
Trở về lý chỉ một,
Phiền não trong nhà tối,
Thường sanh mặt trời tuệ.
Tà đến phiền não sanh,
Chánh đến phiền não dứt,
Tà chánh đều không dùng,
Thanh tịnh mới hoàn toàn.
Bồ-đề vốn tự tánh,
Khởi tâm tức là vọng,
Tâm tịnh ở trong vọng,
Chỉ chánh không ba chương.**

Người đời nếu tu hành,
Tất cả trọn chẳng ngại,
Thường tự thấy lỗi mình,
Cùng đạo tức tương đương.
Sắc loại tự có đạo,
Đều chẳng chướng ngại nhau,
Lìa đạo riêng tìm đạo,
Trọn đời không thấy đạo.
Lãng xãng qua một đời,
Kết cuộc tự sanh nảo,
Muốn thấy đạo chân thật,
Hạnh chánh tức là đạo.
Nếu không có tâm đạo,
Hạnh tối không thấy đạo,
Người chân chánh tu hành,
Không thấy lỗi thế gian.
Nếu thấy lỗi người khác,
Lỗi mình đã đến bên,
Người quấy ta chẳng quấy,
Ta quấy tự có lỗi.

Chỉ dẹp lổn nơi tâm,
Phá trừ các phiền não,
Yêu ghét chẳng bận lòng,
Duỗi thẳng hai chân ngủ.
Muốn nghĩ giáo hóa người,
Tự phải có phương tiện,
Chớ khiến người nghi ngờ,
Tức là tự tánh hiện.
Phật pháp nơi thế gian,
Không lìa thế gian giác,
Lìa thế tìm Bồ-đề,
Giống như tìm sừng thỏ.
Chánh kiến gọi xuất thế,
Tà kiến là thế gian,
Tà chánh đều dẹp sạch,
Tánh Bồ-đề hiện rõ.
Tụng này là đôn giáo,
Cũng gọi thuyên đại pháp,
Mê nghe trải nhiều kiếp,
Ngộ trong khoảng sát-na.”

Tổ lại bảo: “Nay ở chùa Đại Phạm nói pháp đốn giáo này, khắp nguyện cả pháp giới chúng sanh ngay lời nói này đều được thấy tánh thành Phật.” Khi ấy Vi Sử quân cùng quan liêu đạo tục nghe Tổ nói, không ai mà chẳng tỉnh ngộ, đồng thời làm lễ đều tán thán: “Lành thay! Đâu ngờ ở Lãnh Nam có Phật ra đời!”

PHẨM THỨ BA: NGHI VẤN

Một hôm Vi Thứ sử vì Tổ thiết đại hội trai, trai xong, Thứ sử thỉnh Tổ đăng tòa, quan liêu sĩ thứ đều thành kính lễ bái, hỏi rằng: “Đệ tử nghe Hòa thượng thuyết pháp, thật không thể nghĩ bàn, nay có một ít nghi, cúi mong Ngài đại từ đại bi đặc biệt vì giải nói.”

Tổ bảo: “Có nghi liền hỏi, tôi sẽ vì các ông mà nói.”

Thứ sử thưa: “Hòa thượng nói pháp, đâu không phải là tông chỉ của Tổ Đạt-ma u?”

Tổ bảo: “Đúng vậy!”

Thứ sử thưa: “Đệ tử nghe Tổ Đạt-ma khi mới đến vua Lương Võ Đế, Võ Đế hỏi: Trẫm một đời cất chùa độ Tăng, bố thí thiết trai có những công đức gì? Tổ Đạt-ma bảo: Thật không có công đức. Đệ tử chưa thấu được lẽ này, cúi mong Hòa thượng vì nói.”

Tổ bảo: “Thật không có công đức, chớ nghi lời của bậc tiên Thánh. Võ Đế tâm tà, không biết chánh pháp, cất chùa độ Tăng, bố

thí, thiết trai đó gọi là cầu phước, chớ không thể đem phước đổi làm công đức. Công đức là ở trong pháp thân, không phải do tu phước mà được.”

Tổ lại nói: “Thấy tánh là công, bình đẳng là đức, mỗi niệm không ngưng trệ, thường thấy bản tánh, diệu dụng chân thật gọi là công đức. Trong tâm khiêm hạ là công, bên ngoài hành lễ phép là đức; tự tánh dựng lập muôn pháp là công, tâm thể lìa niệm là đức; không lìa tự tánh là công, ứng dụng không nhiễm là đức. Nếu tìm công đức pháp thân, chỉ y nơi đây mà tạo là chân công đức. Nếu người tu công đức, tâm tức không có khinh, thường hành khắp kính. Tâm thường khinh người, ngô ngã không dứt tức là không công, tự tánh hư vọng không thật tức tự không đức, vì ngô ngã tự đại thường khinh tất cả. Nay Thiện tri thức, mỗi niệm không có gián đoạn là công, tâm hành ngay thẳng là đức, tự tu tánh là công, tự tu thân là đức. Nay Thiện tri thức, công đức phải là nơi tự tánh mà thấy, không phải do bố thí cúng dường mà cầu được. Ấy là phước đức cùng với công đức khác nhau. Võ Đế không biết chân lý, không phải Tổ Sư ta có lỗi.”

Thứ sử lại hỏi: “Đệ tử thường thấy Tăng tục niệm Phật A-di-đà, nguyện sanh Tây phương, thỉnh Hòa thượng nói, được sanh nơi cõi kia chăng? Nguyện vì phá cái nghi này.”

Tổ bảo: “Sử quân khéo lắng nghe, Huệ Năng sẽ vì nói. Thế Tôn ở trong thành Xá-vệ nói Tây phương dẫn hóa, văn kinh rõ ràng cách đây không xa. Nếu luận về tướng mà nói, số dặm có mười muôn tám ngàn, tức là trong thân có mười ác và tám tà, liền là nói xa, nói xa là vì kẻ hạ căn, nói gần là vì những người thượng trí. Người có hai hạng nhưng pháp không có hai thứ, mê ngộ có khác, thấy có mau chậm. Người mê niệm Phật cầu sanh về cõi kia, người ngộ tự tịnh tâm mình, sở dĩ Phật nói: Tùy tâm tịnh liền được cõi Phật tịnh. Sử quân, người phương Đông chỉ tâm mình tịnh liền không có tội, tuy người phương Tây tâm không tịnh cũng có lỗi. Người phương Đông tạo tội niệm Phật cầu sanh về phương Tây, còn người phương Tây tạo tội, niệm Phật cầu sanh cõi nào? Phàm ngu không rõ tự tánh, không biết trong thân Tịnh độ, nguyện đông, nguyện tây, người ngộ ở chỗ nào cũng vậy, cho nên Phật nói: Tùy chỗ mình ở hằng được an lạc. Sử quân, tâm địa chỉ không có bất thiện thì Tây

phương cách đây không xa. Nếu ôm lòng chẳng thiện, niệm Phật vãng sanh khó đến. Nay khuyên Thiện tri thức trước nên dẹp trừ thập ác tức là đi được mười muôn, sau trừ tám cái tà bèn qua được tám ngàn, mỗi niệm thấy tánh thường hành bình trực, đến như trong khảy móng tay, liền thấy đức Phật A-di-đà. Sử quân, chỉ hành mười điều thiện đâu cần lại nguyện vãng sanh, không đoạn tâm thập ác thì Phật nào đón tiếp. Nếu ngộ được đốn pháp vô sanh, thấy Tây phương chỉ trong khoảng sát-na. Còn chẳng ngộ, niệm Phật cầu sanh thì còn đường xa làm sao đến được! Huệ Năng vì mọi người đời cõi Tây phương trong khoảng sát-na ở trước mắt khiến cho quý vị được thấy, quý vị có muốn thấy hay chẳng?”

Chúng đều đánh lễ thưa rằng: “Nếu ở cõi này mà thấy được thì đâu cần phải nguyện vãng sanh, nguyện Hòa thượng từ bi liền hiện Tây phương khiến cho tất cả được thấy.”

Tổ bảo: “Này Đại chúng! Người đời tự sắc thân là thành, mắt tai mũi lưỡi là cửa, ngoài có năm cửa, trong có cửa ý. Tâm là đất, tánh là vua, vua ở trên đất tâm, tánh còn thì vua còn, tánh đi mất thì vua mất; tánh ở thì thân tâm

còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật nằm trong tánh mà tạo, chớ hướng ra ngoài mà cầu. Tự tánh mê tức là chúng sanh, tự tánh giác tức là Phật, từ bi tức là Quán Thế Âm, hỉ xả gọi là Đại Thế Chí, hay tịnh tức là đức Thích-ca, bình trực tức là Phật Di-đà. Nhân ngã ấy là Tu-di, tà tâm là biển, phiền não là sóng mồi, hại là rồng dữ, hư vọng là quỷ thần, trần lao là rùa trạnh, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh. Nay Thiện tri thức, thường làm mười điều lành thì thiên đường liền đến, trừ nhân ngã thì núi Tu-di ngã, dẹp được tham dục thì biển nước độc khô, phiền não không thì sóng mồi mất, hại trừ thì rồng cá đều dứt. Ở trên tâm địa mình là giác tánh Như Lai phóng đại quang minh, ngoài chiếu sáu cửa thanh tịnh hay phá sáu cõi trời dục, tự tánh trong chiếu ba độc tức liền trừ địa ngục v.v... các tội một lúc đều tiêu diệt, trong ngoài sáng tốt, chẳng khác với cõi Tây phương, không chịu tu như thế này làm sao đến được cõi kia?”

Đại chúng nghe nói rồi đều rõ ràng thấy được tự tánh, thấy đều lễ bái, đều tán thán: “Lành thay!” Thưa rằng: “Khắp nguyện pháp giới chúng sanh nghe một thời liền ngộ hiểu.”

Tổ bảo: “Này Thiện tri thức, nếu muốn tu hành, tại gia cũng được, không cần ở chùa, người tại gia mà hay hành như người ở phương Đông mà tâm được thiện, còn người ở chùa mà không tu cũng như người ở phương Tây mà tâm ác. Chỉ tâm thanh tịnh tức là tự tánh Tây phương.”

Thứ sử Vi Cừ lại hỏi: “Người tại gia làm sao tu hành? Cúi xin Ngài vì chỉ dạy.”

Tổ bảo: “Tôi vì Đại chúng làm một bài tụng Vô Tướng, chỉ y đây mà tu, thường cùng tôi đồng ở không khác, nếu không tu như thế này dù có cạo tóc xuất gia đối với đạo cũng không có ích gì. Tụng rằng:

**Tâm bình không nhọc giữ giới,
Hạnh thẳng không cần tu thiền,
Ân thì nuôi dưỡng cha mẹ,
Nghĩa thì trên dưới thương nhau.
Nhường thì trên dưới hòa mục,
Nhẫn thì các ác không ôn,
Nếu hay dùi cây ra lửa,
Trong bùn quyết mọc sen hồng.**

Đấng miệng tức là thuốc hay,
Nghịch tai là lời ngay thẳng,
Sửa lỗi ắt sanh trí tuệ,
Giữ quấy trong tâm không hiền.
Mỗi ngày thường làm lợi ích,
Thành đạo không do thí tiền,
Bồ-đề chỉ hướng tâm tìm,
Đâu nhọc hướng ngoại cầu huyền.
Nghe nói y đây tu hành,
Cực lạc chỉ ngay trước mắt.”

Tổ lại bảo: “Này Thiện tri thức, thầy phải y kệ đây mà tu hành, nhận lấy tự tánh, thẳng đó thành đạo. Pháp không đợi nhau, mọi người hãy giải tán, tôi trở về Tào Khê, chúng nếu có nghi, lại đến hỏi nhau.”

Khi ấy Thứ sử quan liêu ở trong hội, kể thiện nam tín nữ mỗi người đều được khai ngộ, tin thọ vâng làm.

PHẨM THỨ TƯ: ĐỊNH TUỆ

Tổ dạy chúng: “Này Thiện tri thức, pháp môn của ta đây lấy Định Tuệ làm gốc, đại chúng chớ lầm nói Định Tuệ riêng, Định Tuệ một thể không phải là hai. Định là thể của Tuệ, Tuệ là dụng của Định, ngay khi Tuệ, Định ở tại Tuệ, ngay khi Định, Tuệ ở tại Định, nếu biết được nghĩa này tức là cái học Định Tuệ bình đẳng. Những người học đạo chớ nói trước Định rồi sau mới phát Tuệ, trước Tuệ rồi sau mới phát Định, mỗi cái riêng khác. Khởi cái thấy như thế ấy thì pháp có hai tướng. Miệng nói lời thiện mà trong tâm không thiện thì không có Định Tuệ, Định Tuệ không bình đẳng. Nếu tâm, miệng đều là thiện, trong ngoài một thứ, Định Tuệ tức là bình đẳng. Tự ngộ tu hành không ở chỗ tranh cãi, nếu tranh trước sau tức là đồng với người mê, không dứt sự hơn thua, trở lại tăng ngã và pháp, không lìa bốn tướng.

Này Thiện tri thức, Định Tuệ ví như cái gì? Ví như ngọn đèn và ánh sáng. Có ngọn đèn

tức có ánh sáng, không đèn tức là tối, đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn, tên tuy có hai mà thể vốn đồng một, pháp Định Tuệ này cũng lại như thế.”

Tổ dạy chúng: “Này Thiện tri thức, Nhất hạnh tam-muội là đối với tất cả chỗ, đi đứng ngồi nằm thường hành một trực tâm ấy vậy. Kinh Tịnh Danh nói: Trực tâm là đạo tràng, trực tâm là Tịnh độ. Tâm chớ làm những chuyện siểm khúc, miệng chỉ nói trực, miệng nói Nhất hạnh tam-muội mà không hành trực tâm; còn hành trực tâm, đối với tất cả pháp chớ có chấp trước. Người mê chấp pháp tướng, chấp Nhất hạnh tam-muội, chỉ nói ngồi không động, tâm vọng không khởi tức là Nhất hạnh tam-muội, người khởi hiểu thế này tức là đồng với vô tình, trở lại là nhân duyên chướng đạo.

Này Thiện tri thức, đạo phải thông lưu, do đâu trở lại ngưng trệ, tâm không trụ nơi pháp, đạo tức là thông lưu. Tâm nếu trụ pháp gọi là tự phục, nếu nói thường ngồi không động, ấy chỉ như ngài Xá-lợi-phất ngồi yên trong rừng lại bị ngài Duy Ma Cật quở trách.

Này Thiện tri thức, lại có người dạy ngồi khán tâm quán tịnh, không động không khởi,

từ đây mà lập công khóa, người mê không hiểu liền chấp thành ra điên cuồng; những người như thế này thật là đông, dạy nhau như thế, nên biết đó là lầm lớn.”

Tổ dạy chúng: “Này Thiện tri thức, xưa nay chánh giáo không có đốn tiệm, tánh người tự có lợi và độn, người mê thì lần lần khế hợp, người ngộ thời chóng tu, tự biết bản tâm, tự thấy bản tánh, tức là không có sai biệt, do đó nên lập giả danh đốn tiệm.

Này Thiện tri thức, pháp môn của ta đây từ trước đến nay, trước lập vô niệm làm tông, vô tướng làm thể, vô trụ làm bản. Vô tướng là đối với tướng mà lìa tướng; vô niệm là đối với niệm mà không niệm; vô trụ là bản tánh của người. Ở thế gian nào là thiện ác, tốt xấu, cho đến những việc oán cùng với thân, ngôn ngữ xúc chạm, hư dối tranh đua v.v... thấy đều đem về không; không nghĩ trả thù hại lại, trong mỗi niệm không nghĩ cảnh trước, nếu niệm trước, niệm hiện tại, niệm sau, trong mỗi niệm tương tục không dứt gọi là hệ phược (trói buộc). Đối trên các pháp mỗi niệm không trụ, tức là không phược, đây là lấy vô trụ làm gốc.

Này Thiện tri thức, ngoài lia tất cả tướng gọi là vô tướng, hay lia nơi tướng tức là pháp thể thanh tịnh, đây là lấy vô tướng làm thể.

Này Thiện tri thức, đối trên các cảnh tâm không nhiễm gọi là vô niệm. Đối trên niệm thường lia các cảnh, chẳng ở trên cảnh mà sanh tâm. Nếu chỉ trảm vật chẳng nghĩ, niệm phải trừ hết, một niệm dứt tức là chết, rồi sẽ sanh nơi khác, ấy là lầm to. Người học đạo suy nghĩ đó, nếu không biết cái ý của pháp thì tự lầm còn có thể, lại dạy người khác (là không nên), tự mê không thấy lại còn chê bai kinh Phật, vì thế nên lập vô niệm làm tông.

Này Thiện tri thức, thế nào lập vô niệm làm tông? Chỉ vì miệng nói thấy tánh, người mê ở trên cảnh có niệm, trên niệm lại khởi tà kiến, tất cả trần lao vọng tưởng từ đây mà sanh. Tự tánh vốn không một pháp có thể được, nếu có sở đắc, vọng nói họa phước tức là trần lao tà kiến, nên pháp môn này lập vô niệm làm tông.

Này Thiện tri thức, vô là vô việc gì? Niệm là niệm vật nào? Vô đó là không có hai tướng, không có các tâm trần lao; niệm là niệm chân như bản tánh. Chân như tức là thể của niệm,

niệm tức là dụng của chân như, chân như tự tánh khởi niệm, không phải mất tai mũi lưỡi hay khởi niệm, chân như có tánh cho nên khởi niệm, chân như nếu không có tánh thì mất tai sắc thanh chính khi ấy liền hoại.

Này Thiện tri thức, chân như tự tánh khởi niệm, sáu căn tuy có thấy nghe hiểu biết mà không nhiễm muôn cảnh, mà chân tánh thường tự tại, nên kinh nói Hay khéo phân biệt các pháp tướng mà đối với nghĩa đệ nhất không có động.”

PHẨM THỨ NĂM: TỌA THIỀN

Tổ dạy chúng: Pháp môn Tọa Thiền này vốn không chấp nơi tâm, cũng không chấp nơi tịnh, cũng chẳng phải chẳng động. Nếu nói chấp tâm, tâm vốn là vọng, biết tâm như huyễn nên không có chỗ chấp vậy. Nếu nói chấp tịnh, tánh người vốn là tịnh, bởi vì vọng niệm che đậy chân như, chỉ không có vọng tưởng thì tánh tự thanh tịnh. Khởi tâm chấp tịnh trở lại sanh ra cái tịnh vọng. Vọng không có chỗ nơi, chấp ấy là vọng; tịnh không hình tướng trở lại lập tướng tịnh, nói là công phu, người khởi kiến giải này là chướng tự bản tánh trở lại bị tịnh trói.

Này Thiện tri thức, nếu người tu hạnh bất động, chỉ khi thấy tất cả người, không thấy việc phải quấy, tốt xấu, lỗi lầm của người tức là tự tánh bất động.

Này Thiện tri thức, người mê thân tuy bất động, mở miệng liền nói việc phải quấy, hay

dở, tốt xấu của người là cùng đạo đã trái nhau, chấp tâm, chấp tịnh tức là chướng đạo.

Tổ dạy chúng: Này Thiện tri thức, sao gọi là Tọa Thiền? Trong pháp môn này không chướng không ngại, ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện ác, tâm niệm chẳng khởi gọi là tọa, trong thấy tự tánh chẳng động gọi là thiền.

Này Thiện tri thức, sao gọi là Thiền định? Ngoài lìa tướng là thiền, trong chẳng loạn là định. Ngoài nếu chấp tướng, trong tâm tức loạn; ngoài nếu lìa tướng tâm tức chẳng loạn, bản tánh tự tịnh tự định, chỉ vì thấy cảnh, suy nghĩ cảnh tức là loạn; nếu thấy các cảnh mà tâm chẳng loạn ấy là chân định vậy.

Này Thiện tri thức, ngoài lìa tướng tức là thiền, trong chẳng loạn tức là định, ngoài thiền trong định, ấy gọi là Thiền định. Kinh Bồ-tát Giới nói: Bản tánh của ta vốn tự thanh tịnh.

Này Thiện tri thức, trong mỗi niệm tự thấy được bản tánh thanh tịnh, tự tu, tự hành, tự thành Phật đạo.

PHẨM THỨ SÁU: SÁM HỐI

Khi ấy Tổ thấy sĩ thứ bốn phương từ Quảng Châu, Thiều Châu đua nhau đến trong núi nghe pháp, Tổ mới đăng tòa bảo chúng: “Đến đây, các Thiện tri thức, tánh này phải từ trong tự tánh mà khởi, trong tất cả thời, mỗi niệm tự tịnh tâm kia, tự tu, tự hành, thấy Pháp thân của mình, thấy tâm Phật của mình, tự độ, tự giới mới được, không nhờ đến đây. Đã từ xa đến, một hội ở đây đều cùng có duyên, nay có thể mỗi vị quì gối, trước tôi vì truyền cho Tự Tánh Ngũ phần Pháp thân hương, kế đó là trao Vô tướng sám hối.”

Chúng đều quì gối, Tổ bảo:

“Một là Giới hương, tức là trong tâm mình không có quấy, không có ác, không tật đố, không tham sân, không cướp hại, gọi là Giới hương.

Hai là Định hương tức là thấy các cảnh tướng thiện ác, tự tâm chẳng loạn gọi là Định hương.

Ba là Tuệ hương là tâm mình không ngại, thường dùng trí tuệ quán chiếu tự tánh, chẳng tạo các ác, tuy tu các hạnh lành mà tâm không chấp trước, kính bậc trên thương kẻ dưới, cứu giúp người cô bản, gọi là Tuệ hương.

Bốn là Giải thoát hương tức tự tâm mình không có chỗ phan duyên, chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tự tại vô ngại gọi là Giải thoát hương.

Năm là Giải thoát tri kiến hương tự tâm đã không có chỗ phan duyên thiện ác, không thể trầm không trệ tịch, tức phải học rộng nghe nhiều biết bản tâm mình, đạt được lý của chư Phật, hòa quang tiếp vật, không ngã không nhân, thẳng đến Bồ-đề, chân tánh không đổi, gọi là Giải thoát tri kiến hương.

Này Thiện tri thức, hương này mỗi người tự huân ở trong, chớ hướng ra ngoài tìm.

Nay tôi vì các ông trao Vô tướng sám hối để diệt tội trong ba đời, khiến được ba nghiệp thanh tịnh. Này Thiện tri thức, mỗi người đồng thời nói theo lời tôi :

Đệ tử chúng con, từ niệm trước, niệm hiện nay và niệm sau, mỗi niệm không bị ngu mê

làm nhiễm, từ trước có những nghiệp ác, ngu mê v.v... các tội, thấy đều sám hối, nguyện một lúc tiêu diệt, hằng không khởi lại.

Đệ tử chúng con từ niệm trước, niệm hiện nay và niệm sau, mỗi niệm không bị kiêu cuồng làm nhiễm, từ trước có những nghiệp ác, kiêu cuồng v.v... các tội, thấy đều sám hối, nguyện một thời tiêu diệt, hằng không khởi lại.

Đệ tử chúng con từ niệm trước, niệm hiện tại và niệm sau, mỗi niệm không bị tật đố làm nhiễm, từ trước có những nghiệp ác, tật đố v.v... các tội, thấy đều sám hối, nguyện một lúc tiêu diệt, hằng không khởi lại.

Này Thiện tri thức, về trước là Vô tướng Sám hối. Thế nào gọi là sám? Thế nào gọi là hối? Sám là sám những lỗi về trước, từ trước có những nghiệp ác ngu mê, kiêu cuồng, tật đố v.v... các tội, thấy đều sám hết hằng không khởi lại, gọi đó là sám. Hối là hối những lỗi về sau, từ nay về sau có những nghiệp ác, ngu mê, kiêu cuồng, tật đố v.v... các tội, nay đã giác ngộ, thấy đều hằng đoạn, lại không tạo lại, ấy gọi là hối, nên gọi là sám hối. Người phạm phu ngu mê, chỉ biết sám lỗi trước, chẳng biết hối lỗi sau, do vì không hối nên tội trước chẳng diệt,

lỗi sau lại sanh. Tội trước đã chẳng diệt, lỗi sau lại sanh, sao gọi là sám hối được.

Này Thiện tri thức, đã sám hối xong, vì Thiện tri thức phát Tứ hoằng thệ nguyện, mỗi người phải dụng tâm chánh lắng nghe:

Tự tánh chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,

Tự tánh phiền não vô biên thệ nguyện đoạn,

Tự tánh pháp môn vô tận thệ nguyện học,

Tự tánh Vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành.

Này Thiện tri thức, cả thầy đâu chẳng nói: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, nói thế ấy, vả lại không phải là Huệ Năng độ. Này Thiện tri thức, chúng sanh trong tâm, chỗ gọi tâm tà mê, tâm cuồng vọng, tâm bất thiện, tâm tật đố, tâm ác, những tâm như thế trọn là chúng sanh, mỗi người nên tự tánh tự độ, ấy gọi là chân độ. Sao gọi là tự tánh tự độ? Tức tự trong tâm những chúng sanh tà kiến, phiền não, ngu si, đem chánh kiến mà độ. Đã có chánh kiến bèn sử dụng trí Bát-nhã đánh phá những chúng sanh ngu si mê vọng, mỗi mỗi tự độ, tà

đến thì chánh độ, mê đến thì ngộ độ, ngu đến thì trí độ, ác đến thì thiện độ, độ như thế gọi là chân độ.

Lại phiền não vô biên thệ nguyện đoạn, đem tự tánh Bát-nhã trí trừ tâm tư tưởng hư vọng ấy vậy.

Lại pháp môn vô tận thệ nguyện học, phải tự thấy tánh của mình, thường hành chánh pháp, ấy gọi là chân học.

Lại Vô thượng Phật đạo thệ nguyện thành, đã thường hay hạ tâm hành nơi chân chánh, lìa mê, lìa giác, thường sanh Bát-nhã trừ chân trừ vọng, tức thấy được Phật tánh, liền ngay nơi lời nói, liền thành Phật đạo, thường nhớ tu hành, ấy là pháp nguyện lực.

Này Thiện tri thức, nay phát Tứ hoàng thệ nguyện rồi lại vì Thiện tri thức mà trao Vô tướng Tam qui y giới. Này Thiện tri thức,

Qui y Giác Lương túc tôn,

Qui y Chánh Ly dục tôn,

Qui y Tịnh Chúng trung tôn.

Từ ngày nay trở đi xưng Giác làm thầy, lại chẳng qui y tà ma ngoại đạo, dùng tự tánh

Tam Bảo thường tự chứng minh, khuyên Thiện tri thức qui y tự tánh Tam Bảo. Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh vậy. Tự tâm qui y Giác, tà mê chẳng sanh, thiếu dục tri túc hay lìa tài sắc, gọi là Lương túc tôn. Tự tâm qui y Chánh, niệm niệm không tà kiến, vì không tà kiến tức là không nhân ngã công cao, tham ái, chấp trước gọi là Ly dục tôn. Tự tâm qui y Tịnh, tất cả cảnh giới trần lao ái dục, tự tánh đều không nhiễm trước gọi là Chúng trung tôn. Nếu tu hạnh này, ấy là tự qui y. Phàm phu không hiểu, từ sáng đến tối, thọ tam qui giới, nếu nói qui y Phật, Phật ở chỗ nào? Nếu chẳng thấy Phật thì nương vào chỗ nào mà qui, nói lại thành vọng.

Này Thiện tri thức, mỗi người tự quan sát, chớ làm dụng tâm, kinh văn rõ ràng nói tự qui y Phật, chẳng nói qui y với Phật khác, tự Phật mà chẳng qui thì không có chỗ nào mà y được. Nay đã tự ngộ, mỗi người phải qui y tự tâm Tam Bảo, trong thì điều hòa tâm tánh, ngoài thì cung kính mọi người, ấy là tự qui y vậy.

Này Thiện tri thức, đã qui y tự Tam Bảo xong, mỗi người phải chí tâm, tôi vì nói một thể ba thân tự tánh Phật, khiến các ông thấy được

ba thân rõ ràng tự ngộ tự tánh. Phải nói theo tôi: Nơi tự sắc thân qui y Thanh Tịnh Pháp Thân Phật, Nơi tự sắc thân qui y Viên Mãn Báo Thân Phật, Nơi tự sắc thân qui y Thiên Bá Úc Hóa Thân Phật.

Này Thiện tri thức, sắc thân là nhà cửa không thể nói qui hướng, ba thân Phật ở trong tự tánh người đời thấy đều có, vì tự tâm mê không thấy tánh ở trong nên chạy ra ngoài tìm ba thân Như Lai, chẳng thấy ở trong thân có ba thân Phật. Các ông lắng nghe tôi nói khiến các ông ở trong tự thân thấy được tự tánh có ba thân Phật. Ba thân Phật này từ nơi tự tánh sanh, chẳng phải từ ngoài mà được.

Sao gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật? Người đời bản tánh là thanh tịnh, muôn pháp từ nơi tánh mà sanh, suy nghĩ tất cả việc ác tức sanh hạnh ác, suy nghĩ tất cả việc lành tức sanh hạnh lành. Như thế các pháp ở trong tự tánh như trời thường trong, mặt trời mặt trăng thường sáng, vì mây che phủ nên ở trên sáng, ở dưới tối, chợt gặp gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, vạn tượng đều hiện. Tánh của người đời thường phù du như là mây trên trời kia.

Này Thiện tri thức, trí như mặt trời, tuệ như mặt trăng, trí tuệ thường sáng, do bên ngoài chấp cảnh nên bị mây nổi vọng niệm che phủ tự tánh không được sáng suốt.

Nếu gặp Thiện tri thức, nghe được pháp chân chánh, tự trừ mê vọng, trong ngoài đều sáng suốt, nơi tự tánh muôn pháp đều hiện. Người thấy tánh cũng lại như thế, ấy gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân Phật.

Này Thiện tri thức, tự tâm qui y tự tánh là qui y chân Phật. Tự qui y là trừ bỏ trong tự tánh tâm bất thiện, tâm tật đố, tâm siểm khúc, tâm ngô ngã, tâm cuồng vọng, tâm khinh người, tâm lán người, tâm tà kiến, tâm cống cao và hạnh bất thiện trong tất cả thời, thường tự thấy lỗi mình, chẳng nói tốt xấu của người khác, ấy là tự qui y. Thường tự hạ tâm, khắp hành cung kính tức là thấy tánh, thông đạt lại không bị ngăn trệ, ấy là tự qui y.

Sao gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật? Thí như một ngọn đèn hay trừ ngàn năm tối, một trí tuệ hay diệt muôn năm ngu. Chớ suy nghĩ về trước, đã qua không thể được. Thường phải nghĩ về sau, mỗi niệm mỗi niệm tròn sáng, tự thấy bản tánh. Thiện ác tuy là khác mà bản

tánh không có hai, tánh không hai đó gọi là tánh thật. Ở trong thật tánh không nhiễm thiện ác, đây gọi là Viên Mãn Báo Thân Phật. Tự tánh khởi một niệm ác thì diệt muôn kiếp nhân lành, tự tánh khởi một niệm thiện thì được hằng sa ác hết, thẳng đến Vô thượng Bồ-đề, niệm niệm tự thấy chẳng mất bản niệm gọi là Báo thân.

Sao gọi là Thiên Bá Ưc Hóa Thân Phật? Nếu chẳng nghĩ muôn pháp thì tánh vốn như không, một niệm suy nghĩ gọi là biến hóa. Suy nghĩ việc ác là hóa làm địa ngục, suy nghĩ việc thiện thì hóa làm thiên đường, hại thì hóa làm rồng rắn, từ bi thì hóa làm Bồ-tát, trí tuệ thì hóa làm thượng giới, ngu si thì hóa làm hạ giới. Tự tánh biến hóa rất là nhiều, người mê không hay tỉnh giác, mỗi niệm khởi ác thường đi trong con đường ác, xoay về một niệm thiện, trí tuệ liền sanh, đây gọi là tự tánh Hóa thân Phật.

Này Thiện tri thức, từ Pháp thân suy nghĩ tức là Hóa thân Phật, niệm niệm tự tánh tự kiến tức là Báo thân Phật, tự ngộ tự tu, tự tánh công đức, ấy là chân thật qui y. Da thịt là sắc thân, sắc thân đó là nhà cửa, không nói là qui

y vậy. Chỉ ngộ tự tánh ba thân tức là biết được tự tánh Phật. Tôi có một bài tụng Vô Tướng, nếu người hay trì tụng, ngay nơi lời nói liền khiến cho ông, tội mê từ nhiều kiếp, một lúc liền tiêu diệt. Tụng rằng:

Người mê tu phước chẳng tu đạo,
 Chỉ nói tu phước liền là đạo,
 Bồ thí cúng dường phước vô biên,
 Trong tâm ba ác xưa nay tạo.
 Nghĩ muốn tu phước để diệt tội,
 Đòi sau được phước, tội vẫn còn,
 Chỉ hướng trong tâm trừ tội duyên,
 Mỗi người tự tánh chân sám hối.
 Chợt gặp Đại thừa chân sám hối,
 Trừ tà hành chánh tức không tội,
 Học đạo thường nơi tự tánh quán,
 Tức cùng chư Phật đồng một loại.
 Tổ ta chỉ truyền pháp đốn giáo,
 Khấp nguyện kiến tánh đồng một thể,
 Nếu muốn đòi sau tìm Pháp thân,
 Là các pháp tướng trong tâm sạch.

**Nỗ lực tự thấy chớ lơ là,
Một niệm chột dứt một đời thôi,
Nếu gặp Đại thừa được thấy tánh,
Thành tâm cung kính chấp tay cầu.”**

Tổ nói: “Này Thiện tri thức, phải tụng lấy, y đây tu hành, ngay nơi lời nói mà thấy tánh, tuy cách tôi ngàn dặm như thường ở bên cạnh tôi; nơi lời nói này mà chẳng ngộ tức là đối diện với tôi mà cách xa ngàn dặm, đâu cần từ xa đến đây. Trân trọng đi được an vui.”

Cả chúng nghe pháp rồi không ai mà chẳng khai ngộ, đều hoan hỷ phụng hành.

PHẨM THỨ BẢY: CƠ DUYÊN

Tổ từ được pháp ở Huỳnh Mai, về đến Thiều Châu, thôn Tào Hầu, mọi người đều không biết (Có bản khác nói: Khi Tổ đi đến thôn Tào Hầu, ở lại hơn chín tháng, nhưng Tổ tự nói: Không quá hơn ba mươi ngày, liền đến Huỳnh Mai. Đây là tâm cầu đạo chí thiết, đâu có dừng ở, như vậy cho thời gian đi là không phải). Có một nho sĩ là Lưu Chí Lực kính trọng Ngài lắm. Chí Lực có người cô làm Ni tên là Vô Tận Tạng, thường tụng kinh Đại Niết-bàn, Tổ nghe qua liền biết được diệu nghĩa, mới vì cô Ni giải nói. Ni cảm quyền kinh hỏi chữ. Tổ bảo: “Chữ thì không biết, nghĩa tức mời hỏi.”

Cô Ni nói: “Chữ còn không biết, sao có thể hiểu nghĩa?”

Tổ bảo: “Diệu lý của Chư Phật chẳng có quan hệ đến văn tự.”

Cô Ni kinh lạ mới bảo khắp hàng kỳ đức (Kỳ đức: Người lớn tuổi có đức) trong thôn

rằng: “Đây là hàng tu sĩ có đạo, nên thỉnh cúng dường.”

Khi ấy có cháu bốn đời của Ngụy Võ Hầu tên là Tào Thúc Lương và dân cư trong làng đua nhau đến chiêm lễ Tổ. Khi ấy chùa cổ Bảo Lâm, từ cuối đời Tùy bị binh lửa làm tàn phế, mới y nơi nền cũ dựng lại ngôi chùa, mời Tổ trụ trì ở đó, không bao lâu thành một ngôi chùa rất trang nghiêm. Tổ ở đó hơn chín tháng lại bị bọn ác đui theo, Tổ bèn trốn đến trước núi, bị họ phóng hỏa, đốt cỏ cây, Tổ ẩn thân vào trong kẹt đá được khỏi, trên đá ngày nay dấu Tổ ngồi kiết già và vết nếp y của Tổ vẫn còn, nhân đó gọi là hòn đá tị nạn. Tổ nhớ Ngũ Tổ dạy đến Hoài và Hội dừng ẩn, Ngài mới ẩn ở hai ấp ấy.

TẶNG PHÁP HẢI: người quê ở Khúc Giang, Thiệu Châu, ban đầu đến tham vấn Tổ, hỏi rằng: “Tức tâm tức Phật, cúi xin Ngài chỉ dạy.”

Tổ bảo: “Niệm trước chẳng sanh tức tâm, niệm sau chẳng diệt tức Phật; thành tất cả tướng tức tâm, lìa tất cả tướng tức Phật, nếu tôi nói cho đủ, cùng kiếp cũng không hết, hãy lắng nghe tôi nói kệ:

Tức tâm là tuệ,
 Tức Phật là định,
 Định tuệ bình đẳng,
 Trong ý thanh tịnh.
 Ngộ pháp môn này,
 Do ông tập tánh,
 Dụng vốn không sanh,
 Song tu là chánh.”

Ngài Pháp Hải ngay lời đó liền đại ngộ,
 làm bài kệ tán thán:

Tức tâm nguyên là Phật,
 Chẳng ngộ mà tự khinh,
 Con biết nhân định tuệ,
 Đồng tu lìa các vật.

TẶNG PHÁP ĐẠT: người ở Hồng Châu, xuất gia lúc bảy tuổi, thường tụng kinh Pháp Hoa, đến lễ Tổ mà đầu không sát đất. Tổ mới quở: “Lễ mà đầu không sát đất, chi bằng dùng lễ, trong tâm ông ắt có một vật, vậy ông chứa chất sự nghiệp gì?”

Pháp Đạt thưa: “Tôi tụng kinh Pháp Hoa đã đến ba ngàn bộ.”

Tổ bảo: “Nếu ông tụng đến muôn bộ, được ý kinh mà chẳng cho là hơn, ắt cùng với ta sánh vai, nay ông mang sự nghiệp này, trọn không biết lỗi, nghe ta nói kệ:

**Lẽ cốt chặt cờ mạn,
Sao đâu không sát đất?
Có ngã tội liền sanh,
Quên công phước vô tỉ.”**
Tổ lại hỏi: “Ông tên gì?”

Pháp Đạt thưa: “Tên Pháp Đạt.”

Tổ bảo: “Ông tên Pháp Đạt mà đâu từng đạt pháp.” Lại nói bài kệ:

**“Nay ông tên Pháp Đạt,
Chuyên tụng chưa từng thôi,
Tụng rỗng chỉ theo tiếng,
Sáng tâm hiệu Bồ-tát.
Nay ông vì có duyên,
Nay tôi vì ông nói,
Chỉ tin Phật không lời,**

Hoa sen từ miệng phát.”

Ngài Pháp Đạt nghe kệ hồi hận, tạ lỗi thưa: “Từ nay về sau con sẽ khiêm cung đối với tất cả. Đệ tử tụng kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu được nghĩa kinh, tâm thường có nghi, Hòa thượng là bậc trí tuệ rộng lớn, cúi mong lược nói nghĩa lý trong kinh.”

Tổ bảo: “Pháp Đạt, pháp tức rất thâm đạt mà tâm ông chẳng đạt, kinh vốn là không nghi mà tâm ông khởi nghi. Ông tụng kinh này, lấy cái gì làm tông?”

Pháp Đạt thưa: “Học nhân căn tánh ám độn, từ trước đến nay chỉ y văn mà tụng niệm, đâu có biết tông thú.”

Tổ bảo: “Tôi không biết chữ, ông thử lấy kinh tụng một biến, tôi sẽ vì ông giải nói.”

Pháp Đạt liền to tiếng tụng kinh, đến phẩm Thí Dụ, Tổ bảo: “Dừng! Kinh này nguyên lai lấy nhân duyên ra đời làm tông, dù nói nhiều thứ thí dụ cũng không vượt qua chỗ này. Sao là nhân duyên? Kinh nói chư Phật Thế Tôn chỉ có một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời, một đại sự đó là Tri kiến Phật. Người đời do mê bên ngoài nên chấp tướng, mê

bên trong nên chấp không. Nếu hay nơi tướng mà lìa tướng, nơi không mà lìa không thì trong ngoài chẳng mê, nếu ngộ được pháp này, một niệm tâm khai, ấy là khai Tri kiến Phật. Phật tức là giác, phân làm bốn môn: Khai giác tri kiến, Thị giác tri kiến, Ngộ giác tri kiến, Nhập giác tri kiến. Nếu nghe khai thị liền hay ngộ nhập tức là giác tri kiến, chân tánh xưa nay mà được xuất hiện. Ông dè dặt chớ hiểu lầm ý kinh, nghe trong kinh nói khai thị ngộ nhập rồi tự cho là Tri kiến của Phật, chúng ta thì vô phần. Nếu khởi cái hiểu này tức là chê bai kinh, hủy báng Phật vậy. Phật kia đã là Phật rồi, đã đầy đủ tri kiến, cần gì phải khai nữa. Nay ông phải tin Phật tri kiến đó chỉ là tự tâm của ông, lại không có Phật nào khác; vì tất cả chúng sanh tự che phủ cái quang minh, tham ái trần cảnh, ngoài thì duyên (với ngoại cảnh), trong tâm thì lằng xằng, cam chịu lời cuốn, liền nhọc đức Thế Tôn kia từ trong tam-muội mà dậy, dùng bao nhiêu phương tiện nói đến đấng miêng, khuyên bảo khiến các ông buông dứt chớ hướng ra ngoài tìm cầu thì cùng Phật không hai, nên nói khai Phật tri kiến. Tôi cũng khuyên tất cả người nên thường khai tri kiến Phật ở trong tâm của mình. Người đời do tâm

tà, ngu mê tạo tội, miệng thì lành tâm thì ác, tham sân tật đố, siểm nịnh, ngã mạn, xâm phạm người hại vật, tự khai tri kiến chúng sanh. Nếu hay chánh tâm, thường sanh trí tuệ, quán chiếu tâm mình, đừng ác làm lành, ấy là tự khai tri kiến Phật. Ông phải mỗi niệm khai tri kiến Phật, chớ khai tri kiến chúng sanh, khai tri kiến Phật tức là xuất thế, khai tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu ông chỉ nhọc nhằn chấp việc tụng niệm làm công khóa thì nào khác con trâu ly mền cái đuôi của nó!”

Pháp Đạt thưa: “Nếu vậy thì chỉ được hiểu nghĩa, chẳng cần phải tụng kinh chăng?”

Tổ bảo: “Kinh có lỗi gì? Đâu có chướng ngại ông tụng, chỉ vì mê ngộ là tại người, tổn giảm hay lợi ích là do mình, miệng tụng tâm hành tức là chuyển được kinh, còn miệng tụng mà tâm không hành tức là bị kinh chuyển. Hãy nghe ta nói kệ đây:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển,
 Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa,
 Tụng lâu không rõ nghĩa,
 Cùng nghĩa trở thành thù.
 Không niệm niệm là chánh,

Có niệm niệm là tà,
Có không đều chẳng chấp,
Hàng ngồi xe Bạch Ngưu.”

Pháp Đạt nghe kệ rồi bất giác rơi lệ đầm dề, ngay lời nói liền đại ngộ và thưa với Tổ: “Pháp Đạt từ xưa đến nay thật chưa từng chuyên Pháp Hoa mà bị Pháp Hoa chuyển.”

Lại thưa: “Kinh nói các vị Đại Thanh-văn cho đến Bồ-tát đều đem hết khả năng suy nghĩ cùng chung nghĩ lường cũng không thể nào đo được trí của Phật, ngày nay khiến kẻ phàm phu chỉ ngộ được tự tâm liền gọi là Tri Kiến Phật, tự chẳng phải là hàng thượng căn nên chưa khỏi nghi báng. Lại kinh nói ba xe: xe dê, xe nai, xe trâu cùng với xe trâu trắng khác nhau như thế nào? Cúi xin Hòa thượng rủ lòng từ khai thị cho.”

Tổ bảo: “Ý kinh rõ ràng, ông tự mê trái. Các hạng người Tam thừa không thể đo lường được trí tuệ Phật, đó là lỗi tại chỗ đo lường. Dù ông đem tất cả sự suy nghĩ mà suy xét lại càng thêm xa vời. Phật vốn vì phàm phu mà nói, chẳng phải vì Phật mà nói, lý này nếu chẳng tin chắc thì sẽ như những vị Thanh-văn trong

hội Pháp Hoa thôi tịch vậy. Đâu chẳng biết đã ngồi trên xe Bạch Ngưu lại tìm ba xe ngoài cửa; huống là kinh văn rõ ràng nhằm ông mà nói, chỉ một Phật thừa, không có thừa nào khác; hoặc là hai, hoặc là ba cho đến vô số phương tiện, bao nhiêu nhân duyên thí dụ, ngôn từ nói về pháp ấy đều vì một Phật thừa. Ông sao chẳng tỉnh, ba xe là giả, là việc thuở xưa, một xe là thật, là việc hiện nay, chỉ dạy ông dẹp giả trở về thật, sau khi trở về thật, thật cũng không tên. Nên biết có những của báu trọn thuộc về ông, do ông thọ dụng, lại không khởi tưởng của cha, cũng không khởi tưởng của con, cũng không khởi tưởng dùng, ấy gọi là trì kinh Pháp Hoa, từ kiếp này đến kiếp khác, tay không rời quyển kinh, từ sáng đến tối không lúc nào chẳng tụng kinh.”

Pháp Đạt nhờ chỉ dạy, vui mừng nhảy nhót liền nói kệ khen rằng:

Kinh tụng ba ngàn bộ,
Tào Khê một câu quên,
Chưa rõ ý xuất thế,
Đâu hết công nhiều đời.
Ê, nai, trâu quyền lập,

Trước, giữa, sau khéo bày,
Ai biết trong nhà lửa,
Nguyên là vị vua Pháp.

Tổ bảo: “Từ nay về sau ông mới đáng gọi là Tăng tụng kinh.”

Pháp Đạt từ đây lãnh hội huyền chỉ, cũng không ngừng tụng kinh.

TĂNG TRÍ THÔNG: người quê ở An Phong thuộc Thọ Châu, ban đầu xem kinh Lăng-già đến hơn một ngàn lần nhưng không hiểu được Tam thân Tứ trí, đến lễ Tổ cầu giải nghĩa này. Tổ bảo: “Ba thân là Thanh tịnh Pháp Thân, đó là tánh của ông, Viên mãn Báo thân là trí của ông, Thiên bá ức Hóa thân là hạnh của ông vậy. Nếu lìa bản tánh riêng nói ba thân tức gọi có thân mà không trí, nếu ngộ được ba thân không có tự tánh tức là rõ bốn trí Bồ-đề. Hãy lắng nghe tôi nói kệ:

Tự tánh đủ ba thân,
Phát minh thành tứ trí,
Chẳng lìa duyên thấy nghe,
Siêu nhiên lên quả Phật.
Nay tôi vì ông nói,

Tin chắc hăng không mê,
 Chớ học người tìm cầu,
 Trọn ngày nói Bồ-đề.”

Ngài Trí Thông lại thưa: “Về nghĩa Tứ trí có thể nghe được chăng?”

Tổ bảo: “Đã hiểu ba thân liền rõ Tứ trí, sao lại hỏi ư? Nếu lìa ba thân riêng nói Tứ trí, đây gọi là có trí mà không thân, tức đây có trí lại thành vô trí.” Ngài nói kệ:

“Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,
 Bình đẳng tánh trí tâm không bệnh,
 Diệu quan sát trí thấy không công,
 Thành sở tác trí đồng Viên cảnh.
 Ngũ bát lục thất quả nhân chuyển,
 Chỉ dùng danh ngôn không thật tánh,
 Nếu ngay chỗ chuyển không dấy niệm,
 Ngay nơi ồn náo hăng đại định.”

(Như trên nói chuyển thức thành trí, trong kinh nói: Chuyển năm thức trước làm Thành sở tác trí, chuyển thức thứ sáu làm Diệu quan sát trí, chuyển thức thứ bảy làm Bình đẳng tánh trí, chuyển thức thứ tám làm Đại

viên cảnh trí. Tuy thức thứ sáu, thức thứ bảy là ở trong nhân chuyển, còn năm thức trước và thức thứ tám là trên quả chuyển, chỉ chuyển tên mà không chuyển thể.)

Trí Thông liền đôn ngộ được tánh trí nên trình kệ rằng:

“Ba thân nguyên thể ta,
Tứ trí vốn tâm sáng,
Thân trí dung không ngại,
Ứng vật mặc tùy hình.
Khởi tu đều vọng động,
Giữ trụ trái chân tinh,
Diệu chỉ nhân Thầy rõ,
Trọn quên tên nhiễm ô.”

TẶNG TRÍ THƯỜNG: người ở Quý Khê, Tín Châu, thuở nhỏ xuất gia, chí cầu thấy tánh, một hôm đến tham lễ, Tổ hỏi: “Ông từ đâu đến, muốn cầu việc gì?”

Sư thưa: “Học nhân gần đây đến núi Bạch Phong ở Hồng Châu lễ Hòa thượng Đại Thông nhờ chỉ nghĩa kiến tánh thành Phật, nhưng

chưa giải quyết được hồ nghi, từ xa đến đây lễ Hòa thượng, mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy.”

Tổ bảo: “Kia có ngôn cú gì ông thử nhắc lại xem.”

Trí Thường thưa: “Trí Thường đến nơi kia, trải qua ba tháng, chưa được chỉ dạy, vì lòng tha thiết vì pháp nên một hôm riêng vào trượng thất thưa hỏi: Thế nào là bản tâm, bản tánh của con?”

Ngài Đại Thông nói rằng: Ông thấy hư không chẳng?

Trí Thường đáp: Thấy!

Hòa thượng Đại Thông hỏi: Ông thấy hư không có tướng mạo chẳng?

Trí Thường đáp: Hư không vô hình mà có tướng mạo gì?

Ngài Đại Thông bảo: Bản tánh của ông ví như hư không, trọn không một vật có thể thấy, ấy gọi là chánh kiến, không một vật có thể biết ấy gọi là chân tri, không có xanh, vàng, dài, ngắn, chỉ thấy bản nguyên thanh tịnh, giác thể tròn sáng tức gọi là thấy tánh thành Phật, cũng gọi là Như Lai Tri Kiến.

Học nhân tuy nghe lời này vẫn chưa giải quyết xong (điều nghi), cúi xin Hòa thượng chỉ dạy.”

Tổ bảo: “Lời Thầy kia nói vẫn còn kiến tri nên khiến ông chưa rõ, nay tôi chỉ ông một bài kệ:

Chẳng thấy một pháp còn thấy không,
Giống như mây nổi che mặt nhật,
Chẳng biết một pháp giữ biết không,
Lại như hư không sanh điện chớp.
Tri kiến này bỗng nhiên dấy lên,
Làm nhận đâu từng hiểu phương tiện,
Ông phải một niệm tự biết lỗi,
Tự kỷ linh quang thường hiển hiện.”

Trí Thường nghe bài kệ rồi tâm ý hoá nhiên, bèn nói kệ rằng:

“Vô có khởi tri kiến,
Chấp tướng cầu Bồ-đề,
Tình còn một niệm ngộ,
Đâu vượt mê ngàn xưa.
Tự tánh giác nguyên thể,

Tùy chiếu luống đổi đời,
 Chẳng vào thất Tổ sư,
 Mờ mịt chạy hai đầu.”

Trí Thường một hôm hỏi Tổ: “Phật nói pháp ba thừa, lại nói Tối thượng thừa, đệ tử chưa hiểu, cúi mong Ngài vì chỉ dạy.”

Tổ bảo: “Ông xem nơi bản tâm mình, chớ có chấp pháp tướng bên ngoài. Pháp không có bốn thừa, tâm người tự có những sai biệt. Thấy nghe tụng đọc là Tiểu thừa, ngộ pháp hiểu nghĩa là Trung thừa, y pháp tu hành là Đại thừa, muôn pháp trọn thông, muôn pháp đầy đủ, tất cả không nhiễm, lìa các pháp tướng, một cũng không được, gọi là Tối thượng thừa. Thừa là nghĩa hành, không phải ở miệng tranh, ông phải tự tu chớ có hỏi tôi, trong tất cả thời, tự tánh tự như.”

Trí Thường liền lễ tạ và hầu Tổ đến trọn đời.

TĂNG CHÍ ĐẠO: người quê ở Nam Hải, Quảng Châu đến thưa hỏi, thưa rằng: “Học nhân từ xuất gia, xem kinh Niết-bàn hơn mười năm chưa rõ được đại ý, cúi mong Hòa thượng thương xót chỉ dạy.”

Tổ bảo : “Chỗ nào ông chưa rõ?”

Thưa rằng: “Chư hạnh vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui, nơi đây con nghi ngờ.”

Tổ hỏi : “Ông nghi như thế nào?”

Thưa rằng: “Tất cả chúng sanh đều có hai thân gọi là sắc thân và pháp thân. Sắc thân vô thường có sanh có diệt, pháp thân có thường không tri không giác. Kinh nói: Sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui, chẳng biết thân nào tịch diệt, thân nào thọ vui? Nếu là sắc thân, khi sắc thân tịch diệt, bốn đại phân tán, toàn là khổ, khổ không thể nói vui; nếu pháp thân tịch diệt tức đồng cỏ cây gạch đá, ai sẽ thọ vui? Lại pháp tánh là thể của sanh diệt, năm uẩn là dụng của sanh diệt, một thể năm dụng, sanh diệt là thường, sanh thì từ thể khởi dụng, diệt thì từ dụng nhiếp về thể, nếu cho lại sanh tức là loài hữu tình không đoạn không diệt, nếu chẳng cho lại sanh tức là hằng trở về tịch diệt thì đồng với vật vô tình, như thế ắt tất cả pháp bị sự ngăn cấm của Niết-bàn, còn chẳng được sanh, có gì là vui?”

Tổ quở: “Ông là Thích tử sao lại tập theo ngoại đạo về đoạn kiến và thường kiến mà luận

ngộ về pháp Tối thượng thừa. Cứ theo lời ông nói, tức là ngoài sắc thân riêng có pháp thân, lìa sanh diệt để cầu tịch diệt, lại suy luận Niết-bàn thường lạc nói có thân thọ dụng, đây là chấp lẫn về sanh tử, đắm mê cái vui thế gian; nay ông nên biết, Phật vì tất cả người mê nhận thân năm uẩn hòa hợp làm thể tướng của mình, phân biệt tất cả pháp cho là tướng ngoại trần, ưa sanh, ghét chết, niệm niệm đời đời, không biết là mộng huyễn hư giả, luống chịu luân hồi, lấy thường lạc Niết-bàn đổi thành tướng khô, trọn ngày tìm cầu. Phật vì thương những người này, mới chỉ dạy Niết-bàn chân lạc, trong sát-na không có tướng sanh, trong sát-na không có tướng diệt, lại không có sanh diệt có thể diệt, ấy là tịch diệt hiện tiền. Chính ngay khi hiện tiền cũng không có cái lượng hiện tiền, mới gọi là thường lạc. Vui này không có người thọ, cũng không có người chẳng thọ, há có tên một thể năm dụng, huống là lại nói Niết-bàn ngăn cấm các pháp khiến hằng chẳng sanh. Đây là ông chê Phật hủy pháp. Hãy nghe ta nói kệ:

Đại Niết-bàn vô thượng,

Tròn sáng thường lặng soi,

**Phàm ngu gọi là chết,
Ngoại đạo chấp là đoạn.
Những người cầu Nhị thừa,
Cho đó là vô tác,
Trọn thuộc chỗ tình chấp,
Gốc sáu mươi hai chấp.
Dối lập tên hư giả,
Sao đạt nghĩa chân thật,
Chỉ có người vượt qua,
Thông suốt không thủ xả.
Do biết pháp năm uẩn,
Và ngã ở trong uẩn,
Ngoài hiện các sắc tượng,
Mỗi mỗi tướng âm thanh.
Bình đẳng như mộng huyễn,
Không khởi chấp phàm thánh,
Không khởi hiểu Niết-bàn,
Hai bên, ba mé dứt.
Thường hiện dụng các căn,
Mà chẳng khởi tướng dụng,**

Phân biệt tất cả pháp,
 Không khởi tưởng phân biệt.
 Kiếp hỏa đốt biển cả,
 Gió thổi núi chạm nhau,
 Chân thường tịch diệt vui,
 Tướng Niết-bàn như thế.
 Nay tôi gắng gượng nói,
 Khiến ông bỏ tà kiến,
 Ông chớ theo lời hiểu,
 Nhận ông biết ít phần.”

Chí Đạo nghe kệ đại ngộ, vui mừng nhảy nhót, làm lễ rồi lui.

THIÊN SƯ HÀNH TU: sanh tại An Thành, Kiết Châu, họ Lưu, nghe pháp tịch Tào Khê giáo hóa thanh hành, Ngài thẳng đến tham lễ, bèn hỏi: “Phải làm việc gì mà không rơi vào giai cấp?”

Tổ hỏi: “Ông từng làm việc gì đến?”

Ngài thưa: “Thánh đế cũng không làm.”

Tổ bảo: “Rơi vào giai cấp nào?”

Ngài thưa: “Thánh đế còn chẳng làm thì có giai cấp nào?”

Tổ thâm nhận đó, khiến ngài Hành Tư thủ chúng.

Một hôm Tổ bảo ngài Hành Tư: “Ông nên phân hóa một nơi, không khiến cho đoạn dứt.”

Ngài Hành Tư đã được pháp bèn trở về Kiết Châu, trên núi Thanh Nguyên hoằng pháp, nối tiếp giáo hóa. Sau Ngài tịch, thụy là Hoằng Tế Thiền sư.

THIÊN SƯ HOÀI NHƯỢNG: quê ở Kim Châu, con nhà họ Đỗ, ban đầu đến yết kiến Quốc sư An ở Tung Sơn. Quốc sư An mới khuyến khích Sư đến Tào Khê tham vấn. Khi Ngài đến lễ bái Tổ, Tổ hỏi: “Ở đâu lại?”

Ngài thưa: “Ở Tung Sơn.”

Tổ bảo: “Đem được vật gì lại?”

Ngài thưa: “Nói giống một vật tức chẳng trúng.”

Tổ bảo: “Lại có tu chứng chẳng?”

Ngài thưa: “Tu chứng tức chẳng không, nhiệm ô tức chẳng được.”

Tổ bảo: “Chỉ cái chẳng nhiễm ô này là chỗ chur Phật hộ niệm; ông đã như thế, ta cũng như thế. Tây thiên tổ Bát-nhã Đa-la sấm rằng: Dưới chân ông có một con ngựa tơ đạp chết người trong thiên hạ, ứng ở nơi tâm ông, không cần phải nói ra.”

Ngài Hoài Nhượng hoát nhiên khế hội, liền hầu hạ Tổ mười lăm năm, mỗi ngày càng thâm được sự huyền áo. Sau Ngài đến núi Nam Nhạc, xiển dương Thiên Tông, khi tịch Ngài được sắc ban hiệu Đại Tuệ Thiên sư.

THIÊN SƯ HUYỀN GIÁC: ở Vĩnh Gia, họ Đới, quê ở Ôn Châu, thuở nhỏ tập kinh luận, chuyên về pháp môn chỉ quán của tông Thiên Thai, nhân xem kinh Duy Ma Cật phát minh được tâm địa; chợt gặp đệ tử của Tổ là Huyền Sách thăm hỏi, cùng bàn chuyện sôi nổi mà mỗi lời nói ra đều thâm hợp với chur Tổ. Huyền Sách hỏi: “Nhân giả được pháp nơi Thầy nào?”

Huyền Giác đáp: “Tôi nghe kinh luận Phương đẳng mỗi vị đều có Thầy truyền thừa, sau nơi kinh Duy Ma Cật ngộ được Phật tâm tông mà chưa có người chứng minh.”

Huyền Sách bảo: “Từ đức Phật Oai Âm Vương về trước tức được, từ Phật Oai Âm Vương về sau, không Thầy mà tự ngộ trọn là thiên nhiên ngoại đạo.”

Huyền Giác nói: “Xin nhân giả vì tôi chứng minh.”

Huyền Sách bảo: “Lời tôi nhẹ, ở Tào Khê có Lục Tổ Đại sư bốn phương nhóm họp về đều là những người thọ pháp. Nếu ông chịu đi thì cùng tôi đồng đi.”

Huyền Giác bèn đồng với Huyền Sách đến tham vấn. Khi đến, Huyền Giác nhiễu Tổ ba vòng, chống tích trượng mà đứng. Tổ bảo: “Phàm là Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, Đại đức từ phương nào đến, sanh đại ngã mạn?”

Huyền Giác thưa: “Sanh tử là việc lớn, vô thường mau chóng.”

Tổ bảo: “Sao chẳng thể nhận cái vô sanh, liễu không mau ư?”

Huyền Giác thưa: “Thể tức là vô sanh, liễu vốn không có mau.”

Tổ bảo: “Như thế, như thế!”

Huyền Giác mới đầy đủ oai nghi lễ bái, trong chốc lát liền cáo từ.

Tổ bảo: “Trở về chóng vậy?”

Huyền Giác thưa: “Vốn tự không động, há có mau ư?”

Tổ bảo: “Ai biết chẳng động?”

Huyền Giác thưa: “Nhân giả tự sanh phân biệt.”

Tổ bảo: “Ông rất được cái ý vô sanh.”

Huyền Giác thưa: “Vô sanh há có ý sao?”

Tổ bảo: “Nếu không ý thì ai biết phân biệt?”

Huyền Giác thưa: “Phân biệt cũng không phải ý.”

Tổ bảo: “Lành thay! Hãy dừng lại một đêm.”

Thời nhân gọi là Nhất túc giác. Sau Ngài có trước tác bộ Chứng Đạo Ca, thịnh hành ở đời. Thụy là Vô Tướng Đại sư, người đương thời xưng là Chân Giác.

THIÊN GIẢ TRÍ HOÀNG: ban đầu tham học nơi Ngũ Tổ, tự cho đã được chánh thọ, mới

cát am ngồi thiền mãi trải qua hai mươi năm. Đệ tử của Tổ là Huyền Sách du phương đến Hà Sóc nghe danh ngài Trí Hoàng, liền đến am hỏi: “Ông ở đây làm gì?”

Trí Hoàng nói: “Nhập định.”

Huyền Sách hỏi: “Ông nói nhập định là có tâm nhập hay không tâm nhập? Nếu không tâm nhập thì tất cả vô tình cỏ cây ngói đá nên được định; nếu có tâm nhập thì tất cả loài hữu tình hàm thức cũng nên được định.”

Trí Hoàng bảo: “Tôi chính khi nhập định chẳng thấy có cái có tâm và không tâm.”

Huyền Sách nói: “Chẳng thấy có tâm và không tâm tức là thường định, sao lại (nói) có xuất nhập, nếu có xuất nhập tức là không phải Đại định.”

Hoàng không trả lời được. Giây lâu mới hỏi: “Thầy kế thừa ai?”

Huyền Sách nói: “Thầy tôi là Lục Tổ ở Tào Khê.”

Trí Hoàng hỏi: “Lục Tổ lấy gì làm Thiền định?”

Huyền Sách đáp: “Thầy tôi nói: Diệu trạm viên tịch, thể dụng như như, năm ấm vốn không, sáu trần chẳng phải có, chẳng ra chẳng vào, chẳng định chẳng loạn, tánh thiền không trụ, là trụ thiền tịch, tánh thiền không sanh, là sanh thiền tướng, tâm như hư không cũng không có cái lượng của hư không.”

Trí Hoàng nghe lời nói ấy bèn đi thẳng đến yết kiến Lục Tổ.

Lục Tổ hỏi: “Nhân giả từ đâu đến?”

Trí Hoàng liền thuật lại đầy đủ duyên trước.

Lục Tổ bảo: “Thật như lời đã nói. Ông chỉ tâm như hư không mà chẳng có kiến chấp không, ứng dụng không ngăn ngại, động và tịnh đều không tâm, tình phàm thánh đều quên, năng sở đều dứt, tánh tướng như như, không có lúc nào mà chẳng định.”

Trí Hoàng ngay nơi đây liền đại ngộ, hai mươi năm đã được tâm, trọn không ảnh hưởng. Đêm ấy ở Hà Bắc, dân chúng nghe trong hư không có tiếng nói: “Thiền sư Hoàng ngày nay được đạo.” Trí Hoàng sau đó lễ từ trở về Hà Bắc, khai hóa bốn chúng.

Có vị Tăng hỏi Tổ: “Ý chỉ Huỳnh Mai người nào được?”

Tổ đáp: “Người hiểu Phật pháp được!”

Tăng thưa: “Hòa thượng lại được chăng?”

Tổ bảo: “Ta chẳng hiểu Phật pháp.”

Một hôm Tổ muốn giặt lá y đã được truyền trao nhưng không có suối tốt để giặt, nhân Ngài đến sau chùa khoảng năm dặm, thấy trên núi cây cối um tùm, khí tốt xoay quanh, Ngài liền cầm cây tích trượng sâu xuống đất, nước liền phun lên theo tay Ngài, chứa lại thành cái ao, Ngài liền quì gối giặt y trên đá. Chợt có một vị Tăng đến lễ bái thưa rằng: “Phương Biện là người Tây Thục, vừa rồi ở nước Nam Thiên Trúc, thấy ngài Đạt-ma Đại sư dạy Phương Biện phải chóng đến nước Đường là nơi tôi truyền Chánh pháp nhân tạng và y Tăng-già-lê của Tổ Ca-diếp, thấy truyền đến đời thứ sáu nơi Thiệu Châu ở Tào Khê, ông nên đến đó chiêm lễ. Phương Biện từ xa đến, cúi mong được thấy y bát đã được truyền.”

Tổ bèn đưa ra cho ông xem, liền hỏi: “Thượng nhân làm nghề gì?”

Phương Biện đáp: “Chuyên nghề đắp tượng.”

Tổ nghiêm sắc mặt lại bảo: “Ông thử đắp xem.”

Phương Biện mờ mịt không biết. Qua mấy ngày, ông đắp được tượng của Tổ, cao bảy tấc, rất đẹp đẽ.

Tổ cười, bảo: “Ông chỉ giỏi tánh đắp mà chẳng giỏi tánh Phật.” Tổ đưa tay xoa đầu Phương Biện nói: “Ông hằng vì người, Trời làm phước đền.” Tổ liền lấy y đèn công, Phương Biện lấy y chia làm ba phần: một phần đắp vào tượng, một phần thì ông lưu lại, còn một phần thì gói chôn xuống đất, thề rằng: “Sau này, người nào đào được y này là tôi tái sanh để trụ trì nơi đây dựng lập lại chùa chiền.”

(Đến đời Tống, niên hiệu Gia Hựu năm thứ tám, có vị Tăng tên là Duy Tiên, khi sửa chùa, đào đất được y như mới, còn tượng của Phương Biện đắp thì để ở chùa Cao Tuyền, cúng kính cầu nguyện đều được như ý.)

Có vị Tăng đọc bài kệ của Thiền sư Ngọa Luân rằng:

**Ngọa Luân có tài năng,
Hay đoạn trăm tư tưởng,
Đổi cảnh tâm chẳng khởi,
Bồ-đề ngày ngày lớn.**

**Tổ nghe qua liền nói: “Bài kệ này chưa rõ
được tâm địa, nếu y đây mà tu, ấy là thêm trói
buộc”, nhân đó Tổ nói một bài kệ:**

**Huệ Năng không có tài,
Chẳng đoạn trăm tư tưởng,
Đổi cảnh tâm thường khởi,
Bồ-đề làm gì lớn.**

PHẨM THỨ TÁM: ĐỐN TIỆM

Khi ấy Tổ ở chùa Bảo Lâm tại Tào Khê, còn Thần Tú Đại sư ở chùa Ngọc Tuyền tại Kinh Nam. Bấy giờ hai Tông thanh hóa, người đều gọi là Nam Năng Bắc Tú nên có hai Tông Nam Bắc, chia ra đốn tiệm, mà người học không biết tông thú. Tổ bảo chúng rằng: “Pháp vốn một tông, người có Nam Bắc, pháp tức là một thứ, thấy có mau và chậm. Sao gọi là đốn tiệm? Pháp không có đốn tiệm, người có lợi căn, độn căn, nên gọi là đốn tiệm.” Nhưng đồ đệ của ngài Thần Tú thường chê Tổ sư Nam Tông là không biết một chữ, có cái gì hay. Thần Tú nói rằng: “Kia (Tổ Huệ Năng) được trí vô sư, thâm ngộ được pháp thượng thừa, tôi không bằng vậy. Vả lại Thầy tôi là Ngũ Tổ, chính Ngài truyền y pháp, há lại suông ư? Tôi hận không thể đi xa để thân cận, luống thọ ân Quốc vương, vậy những người các ông không nên kẹt ở đây, nên đến Tào Khê tham hỏi.” Một hôm Ngài sai đệ tử là Chí Thành rằng: “Ông thông minh nhiều trí, nên vì tôi mà đến

Tào Khê nghe pháp, nếu nghe được điều gì, hết lòng ghi lấy, trở về nói cho tôi nghe.”

Chí Thành vâng mệnh đến Tào Khê, theo chúng tham thỉnh, không nói từ đâu đến. Khi ấy Lục Tổ bảo chúng rằng: “Ngày nay có người trộm pháp đang ẩn trong hội này.”

Chí Thành liền ra lễ bái và thưa đầy đủ việc của ông.

Tổ bảo: “Ông từ Ngọc Tuyền lại nên là kẻ do thám.”

Chí Thành đáp: “Không phải.”

Tổ hỏi: “Sao được không phải?”

Chí Thành thưa: “Chưa nói là phải, đã thưa rồi là không phải.”

Tổ bảo: “Thầy ông dùng cái gì chỉ dạy chúng?”

Chí Thành thưa: “Thường chỉ dạy Đại chúng trụ tâm quán tịnh, thường ngồi chảnh nằm.”

Tổ bảo: “Trụ tâm quán tịnh là bệnh chứ không phải thiền, thường ngồi là câu chấp nơi thân, đối với lý có lợi ích gì. Hãy lắng nghe bài kệ của tôi đây:

**Khi sống ngồi không nằm,
Khi chết nằm không ngồi,
Vốn là đầu xương thú,
Vì sao lập công khóa.”**

Chí Thành lại lễ bái thưa rằng: “Đệ tử ở chỗ Đại sư Thần Tú, học đạo chín năm mà không được khế ngộ. Ngày nay nghe Hòa thượng nói một bài kệ liền khế ngộ được bản tâm. Sanh tử là việc lớn, đệ tử xin Hòa thượng vì lòng đại bi chỉ dạy thêm.”

Tổ bảo: “Tôi nghe Thầy ông dạy học nhân pháp giới định tuệ, chưa biết Thầy ông nói giới định tuệ, hành tướng như thế nào, ông vì tôi nói xem.”

Chí Thành thưa: “Đại sư Thần Tú nói: Các điều ác chớ làm gọi là giới, các điều thiện vâng làm gọi là tuệ, tự tịnh ý mình gọi là định. Ngài Thần Tú nói như thế, chưa biết Hòa thượng lấy pháp gì dạy người?”

Tổ bảo: “Nếu tôi nói có pháp cho người tức là nói dối ông, chỉ tùy phương mở trói, giả danh là tam-muội. Như Thầy ông nói giới định tuệ thật là không thể nghĩ bàn, nhưng chỗ thấy giới định tuệ của tôi lại khác.”

Chí Thành thưa: “Giới định tuệ chỉ là một thứ vì sao lại có khác?”

Tổ bảo: “Thầy ông nói giới định tuệ là tiếp người Đại thừa, còn tôi nói giới định tuệ là tiếp người Tối thượng thừa, ngộ hiểu chẳng đồng, thấy có mau và chậm; ông nghe tôi nói cùng với kia đồng hay chẳng? Tôi nói pháp chẳng lìa tự tánh, lìa thể nói pháp thì gọi là nói tướng, tự tánh thường mê, phải biết tất cả muôn pháp đều từ nơi tự tánh khởi dụng, ấy là pháp Chân giới, Chân định, Chân tuệ, hãy lắng nghe tôi nói kệ đây:

Đất tâm không lỗi tự tánh giới,

Đất tâm không si tự tánh tuệ,

Đất tâm không loạn tự tánh định.

Chẳng tăng chẳng giảm tự kim cương,

Thân đến thân đi vốn tam-muội.”

Chí Thành nghe kệ rồi hồi tạ, mới trình một bài kệ:

“Năm uẩn thân huyễn hóa,

Huyễn làm sao cứu kính,

Xoay lại tìm chân như,

Pháp trở thành bất tịnh.”

Tổ liền ấn khả đó, lại bảo Chí Thành rằng: “Giới định tuệ của Thầy ông là khuyên dạy người tiểu căn tiểu trí, còn giới định tuệ của tôi là dạy người đại căn đại trí. Nếu ngộ được tự tánh cũng chẳng lập Bồ-đề, Niết-bàn, cũng chẳng lập giải thoát tri kiến, không một pháp có thể được mới hay dựng lập muôn pháp. Nếu hiểu được ý này cũng gọi là thân Phật, cũng gọi là Bồ-đề Niết-bàn, cũng gọi là giải thoát tri kiến. Người thấy tánh lập cũng được, không lập cũng được, đi lại tự do, không bị trệ ngại, ứng dụng tùy việc làm, nói năng tùy đáp, khắp hiện hóa thân, chẳng lìa tự tánh, liền được tự tại thân thông, du hí tam-muội, ấy gọi là kiến tánh.”

Chí Thành lại thưa: “Thế nào là nghĩa chẳng lập?”

Tổ bảo: “Tự tánh không lỗi, không si, không loạn, niệm niệm Bát-nhã quán chiếu, thường lìa pháp tướng, tự do tự tại, dọc ngang trọn được, có gì nên lập? Tự tánh tự ngộ, đốn ngộ, đốn tu cũng không thứ lớp, cho nên chẳng lập tất cả pháp. Các pháp là lạng lẽ, có thứ lớp gì?”

Chí Thành liền lễ bái, nguyện làm người hầu hạ, sớm chiều không lười mỏi. Chí Thành là người Thái Hòa Cát Châu.

TẶNG CHÍ TRIỆT: quê ở Giang Tây, họ Trương tên Hành Xương, thuở nhỏ là một hiệp khách. Từ khi chia ra hai tông Nam Bắc, hai vị Tông chủ tuy quên bỉ ngã, nhưng đồ chúng tranh nhau khởi yêu ghét. Khi ấy đệ tử của Bắc Tông tự lập ngài Thần Tú làm Tổ thứ sáu mà kỵ (vì) Lục Tổ được truyền y, mọi người đều nghe nên mới dạy Hành Xương đến ám sát Lục Tổ. Tổ tâm thông dự biết việc ấy nên liền để mười lạng vàng ở dưới tòa. Khi ấy ban đêm Hành Xương vào trong thất toan muốn hại Tổ, Tổ đưa cổ cho chém, Hành Xương liền vung kiếm chặt ba lần đều không thương tổn. Tổ bảo: “Kiếm chánh chẳng tà, kiếm tà chẳng chánh, chỉ nợ vàng của ông, không nợ mạng của ông.”

Hành Xương hoảng hốt té xỉu, giây lâu mới tỉnh, cầu xin sám hối, liền nguyện xuất gia.

Tổ liền cho vàng bảo: “Ông hãy đi, e đồ chúng trở lại hại ông, một ngày khác ông có thể đôi hình dáng mà trở lại, tôi sẽ nhận ông.” Hành Xương vâng lời dạy, giữa đêm trốn đi,

sau theo Tăng xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh cần tu hành. Một hôm ông nhớ lại lời Tổ, từ xa đến lễ ra mắt Tổ. Tổ bảo: “Tôi nhớ ông đã lâu, sao ông đến muộn vậy?”

Hành Xương thưa: “Trước nhờ ơn Hòa thượng xá tội, ngày nay tuy xuất gia khổ hạnh, trọn khó đền đáp ân đức, đâu mong được truyền pháp độ sanh ư? Đệ tử thường xem kinh Niết-bàn, chưa hiểu được nghĩa thường và vô thường, cúi xin Hòa thượng từ bi lược vì giải nói.”

Tổ bảo: “Vô thường tức là Phật tánh, hữu thường tức là tâm phân biệt tất cả pháp thiện ác vậy.”

Hành Xương thưa rằng: “Hòa thượng nói pháp rất trái với văn kinh.”

Tổ bảo: “Ta được truyền tâm ấn của Phật, đâu dám trái với kinh Phật.”

Hành Xương thưa: “Kinh nói Phật tánh là thường, Hòa thượng lại nói là vô thường, các pháp thiện ác cho đến tâm Bồ-đề đều là vô thường mà Hòa thượng lại nói là thường, đây tức trái nhau, khiến cho học nhân càng thêm nghi ngờ.”

Tổ bảo: “Kinh Niết-bàn thuở xưa tôi có nghe Ni Vô Tận Tạng đọc một lần liền vì bà giảng nói, không có một chữ, một nghĩa nào không hiệp với văn kinh, cho đến vì ông nói cũng trọn không có hai thuyết.”

Hành Xương thưa: “Học nhân thức lượng cạn tối, cúi mong Hòa thượng lượng theo mà từ bi khai thị.”

Tổ bảo: “Ông biết chăng, Phật tánh nếu thường lại nói gì là các pháp thiện ác, cho đến cùng kiếp không có một người phát tâm Bồ-đề, nên tôi nói là vô thường, mà chính là đạo Chân thường của Phật nói. Lại tất cả pháp nếu là vô thường, tức mỗi vật đều có tự tánh, dung thọ sanh tử mà tánh Chân thường có chỗ bất biến, nên tôi nói thường chính là Phật nói nghĩa chân vô thường. Phật xưa vì phàm phu ngoại đạo chấp tà thường, còn các hàng Nhị thừa thường mà chấp là vô thường, cộng thành tám thứ điên đảo, nên trong giáo lý liễu nghĩa kinh Niết-bàn phá thiên kiến kia mà hiển bày Chân thường, Chân lạc, Chân ngã, Chân tịnh. Nay ông y theo lời nói mà trái với nghĩa, dùng đoạn diệt vô thường và xác định cái tử thường mà làm hiểu lời nói mâu nhiệm viên diệu tối hậu

của Phật, dù có xem một ngàn biến kinh thì có lợi ích gì?”

Hành Xương bỗng nhiên đại ngộ, liền nói kệ rằng:

“Vi giữ tâm vô thường,
 Phật nói có tánh thường,
 Không biết được phương tiện,
 Như ao xuân mò gạch.
 Nay tôi chẳng thi công,
 Mà Phật tánh hiện tiền,
 Không phải Thầy trao cho,
 Tôi cũng không sở đắc.”

Tổ bảo: “Nay ông mới triệt vậy, nên đặt tên ông là Chí Triệt.”

Chí Triệt lễ tạ mà lui.

THẦN HỘI

Có một chú bé tên là Thần Hội: ở Tương Dương, con nhà họ Cao, mười ba tuổi, từ chùa Ngọc Tuyên đến tham lễ.

Tổ hỏi: “Tri thức từ xa nhọc nhằn đến lại đem được cái gốc đến chăng? Nếu có gốc thì nên biết được ông chủ, thử nói xem?”

Thần Hội thưa: “Lấy vô trụ làm gốc, thấy tức là chủ.”

Tổ bảo: “Ông Sa-di này đâu nên nói như thế.”

Thần Hội liền hỏi: “Hòa thượng tọa thiền lại thấy hay chẳng thấy?”

Tổ cầm gậy đánh ba gậy hỏi: “Tôi đánh ông đau hay chẳng đau?”

Thần Hội đáp: “Cũng đau cũng không đau.”

Tổ bảo: “Tôi cũng thấy cũng chẳng thấy.”

Thần Hội hỏi: “Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy?”

Tổ bảo: “Chỗ thấy của tôi thường thấy những lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy phải quấy tốt xấu của người khác, ấy do cũng thấy mà cũng chẳng thấy. Ông nói cũng đau cũng chẳng đau là thế nào? Nếu ông chẳng đau thì đồng như cây đá, nếu ông đau thì đồng với phàm phu, tức khởi sân hận, ông về trước thấy

và chẳng thấy là hai bên, đau chẳng đau là sanh diệt, ông tự tánh lại chẳng thấy mà dám đùa với người.”

Thần Hội liền lễ bái sám hối. Tổ lại nói: “Tâm ông nếu mê chẳng thấy thì hỏi Thiện tri thức để tìm đường, còn tâm ông nếu ngộ tức tự thấy tánh, y pháp tu hành, ông tự mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì tự biết há thay cái mê cho ông, nếu ông tự thấy cũng chẳng thay được cái mê cho ta, sao chẳng tự biết tự thấy mà hỏi ta thấy cùng chẳng thấy.”

Thần Hội lại lễ hơn một trăm lạy, xin sám hối tội lỗi rồi siêng năng hầu hạ bên cạnh không rời. Một hôm Tổ bảo chúng: “Tôi có một vật không đầu, không đuôi, không danh, không tự, không lưng, không mặt, các người lại biết chăng?”

Thần Hội bước ra nói rằng: “Ấy là bản nguyên của chư Phật, là Phật tánh của Thần Hội.”

Tổ bảo: “Tôi đã nói với ông không danh không tự, ông liền gọi là bản nguyên, là Phật tánh, ông nhằm đi lấy cỏ tranh che đầu, cũng chỉ thành cái hạng tông đồ của tri giải.”

Sau khi Tổ diệt độ, ngài Thần Hội vào Kinh Lạc, hoằng truyền pháp đốn giáo Tào Khê, viết quyển **Hiển Tông Ký**, thanh hành ở đời, gọi là **Thiền sư Hà Trạch**.

Tổ thấy các tông nạn vắn nhau, đều khởi tâm ác, phần nhiều nhóm ở dưới tòa của Tổ, Ngài thương xót mới bảo rằng: “Người học đạo, tất cả niệm thiện, niệm ác nên phải dẹp sạch, không tên có thể gọi, ấy gọi là tự tánh, tánh không hai ấy gọi là thật tánh, trên thật tánh dựng lập tất cả giáo môn, ngay lời nói liền phải tự thấy.” Các người nghe nói, thấy đều làm lễ, xin thờ Ngài làm Thầy.

PHẨM THỨ CHÍN: TUYÊN CHIẾU

Niên hiệu Thần Long năm đầu (705 TL) vào ngày rằm tháng giêng, vua Trung Tông và Tắc Thiên ban chiếu rằng: “Trẫm thỉnh hai sư An và Tú vào trong cung cúng dường, mỗi khi rảnh việc thì nghiên cứu về nhất thừa, hai Sư đều nhường rằng: Phương Nam có Huệ Năng Thiền sư được mật trao pháp y của Đại sư Hoằng Nhãn, được truyền Phật tâm ấn, nên thỉnh người đến thưa hỏi. Nay sai Nội thị Tiết Giản mang chiếu nghinh thỉnh, mong Thầy từ niệm, chóng đến Kinh đô.” Tổ dâng biểu từ bệnh, nguyện trọn đời ở nơi rừng núi.

Tiết Giản thưa: “Ở Kinh thành, các Thiền đức đều nói rằng: Muốn được hội đạo ắt phải tọa thiền tập định, nếu chẳng nhân nơi thiền định mà được giải thoát là chưa từng có vậy, chưa biết Thầy nói pháp như thế nào?”

Tổ bảo: “Đạo do tâm mà ngộ, há tại ngồi sao? Kinh nói: Nếu nói Như Lai hoặc ngồi hoặc nằm, ấy là người hành đạo tà. Vì có sao?”

Không từ đâu lại cũng không có chỗ đi, không sanh không diệt, ấy là Như Lai thanh tịnh thiên, các pháp rộng lặng ấy là Như Lai thanh tịnh tọa, cứu kính không chứng, há lại có ngôi ư?”

Tiết Giải thưa: “Đệ tử trở về kinh, Chúa thượng ắt hỏi, cúi mong Thầy từ bi chỉ bày tâm yếu, để tâu lại hai cung và những người học đạo ở kinh thành, ví như một ngọn đèn mỗi trăm ngàn ngọn đèn, chỗ tối đều được sáng, sáng mãi không cùng.”

Tổ bảo: “Đạo không có sáng tối, sáng tối ấy là nghĩa thay nhau, sáng mãi không cùng cũng là có ngày hết, vì đối đãi mà lập tên. Kinh Tịnh Danh nói: Pháp không có so sánh vì không có đối đãi.”

Tiết Giải thưa: “Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não, người tu đạo như chẳng dùng trí tuệ chiếu phá phiền não thì cái sanh tử từ vô thủy nương vào đâu mà ra khỏi.”

Tổ bảo: “Phiền não tức là Bò-đề, không hai, không khác, nếu dùng trí tuệ chiếu phá phiền não, đây là kiến giải của hàng Nhị thừa, căn cơ xe nai xe dê, còn những bậc thượng trí đại căn, ắt không như thế.”

Tiết Giản thưa: “Thế nào là kiến giải Đại thừa?”

Tổ đáp: “Minh cùng với vô minh, phàm phu thấy hai, người trí rõ suốt tánh nó không hai, tánh không hai tức là thật tánh; thật tánh ở phàm ngu mà chẳng giảm, ở Hiền Thánh mà chẳng tăng, trụ trong phiền não mà không loạn, ở trong thiên định mà chẳng lặng lẽ, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến chẳng đi, chẳng ở khoảng giữa và trong ngoài, không sanh không diệt, tánh tướng như như, thường trụ chẳng đổi gọi đó là đạo.”

Tiết Giản thưa: “Thầy nói chẳng sanh chẳng diệt đâu khác với ngoại đạo?”

Tổ bảo: “Ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt là đem cái diệt để dừng cái sanh, lấy cái sanh để bày cái diệt, diệt vẫn chẳng diệt, sanh nói không sanh. Ta nói chẳng sanh chẳng diệt là vốn tự không sanh, nay cũng chẳng diệt, cho nên không đồng với ngoại đạo. Nếu ông muốn biết tâm yếu, chỉ tắt cả thiện ác trọn chớ suy nghĩ, tự nhiên được vào tâm thể thanh tịnh, lặng lẽ thường tịch, diệu dụng hằng sa.”

Tiết Giản nhờ chỉ dạy, hoát nhiên đại ngộ, lẽ từ trở về cung dâng biểu tâu lên những lời

của Tổ. Ngày mừng ba tháng chín năm ấy có chiếu tướng dụ Sư rằng: “Thầy từ vì già bệnh, vì trầm mà tu hành, làm phước điền cho đất nước. Thầy cũng như ngài Tịnh Danh giả bệnh nơi thành Tì-da để xiển dương Đại thừa, truyền tâm chư Phật, nói pháp bất nhị. Tiết Giản truyền lại lời Thầy chỉ dạy tri kiến Như Lai, trầm chứa được nhiều công đức lành, gieo được hạt giống lành đời trước, mới gặp Thầy ra đời, đốn ngộ pháp thượng thừa, cảm ân đức Thầy, đầu đội không thôi, cùng dâng chiếc Ma Nạp ca-sa và bát thủy tinh, sắc cho Thứ sử Thiều Châu sửa sang lại chùa và ban hiệu chùa cũ Thầy ở là chùa Quốc Ân.”

PHẨM THỨ MƯỜI: PHÓ CHÚC

Một hôm Tổ gọi đệ tử là Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như v.v... bảo rằng: “Các ông không đồng với những người khác, sau khi tôi diệt độ, mỗi người làm Thầy một phương, nay tôi dạy các ông nói pháp không mất bản tông, trước phải dùng ba khoa pháp môn, động dụng thành ba mươi sáu đối, ra vào tức là hai bên, nói tất cả pháp chớ lia tự tánh; chợt có người hỏi pháp, ông xuất lời nói trọn trong đôi đũa, đều lấy pháp đối đi lại làm nhân cho nhau, cứu kính hai pháp thấy đều trừ, lại không có chỗ đi. Ba khoa pháp môn là âm, giới, nhập vậy. Âm là ngũ âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nhập là thập nhị nhập, ngoài có sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, trong có sáu cửa là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; giới là thập bát giới: sáu trần, sáu cửa và sáu thức. Tự tánh hay gồm muôn pháp gọi là hàm tàng thức, nếu khởi suy nghĩ tức là chuyển thức sanh sáu thức ra sáu

cửa, thấy sáu trần, như thể thành mười tám giới, đều từ nơi tự tánh khởi dụng. Tự tánh nếu tà thì khởi mười tám tà, tự tánh nếu chánh thì khởi mười tám chánh, gồm ác dụng tức là dụng chúng sanh, thiện dụng tức là dụng Phật, dụng do những gì? Do tự tánh mà có.

Đối pháp, ngoại cảnh vô tình có năm đối: Trời cùng đất đối, mặt trời cùng mặt trăng đối, sáng cùng tối đối, âm cùng dương đối, nước cùng lửa đối, đây là năm đối.

Pháp tướng ngũ ngôn có mười hai đối: Ngữ cùng pháp đối, có cùng không đối, có sắc cùng không sắc đối, có tướng cùng không tướng đối, hữu lậu cùng vô lậu đối, sắc cùng không đối, động cùng tịnh đối, trong cùng đục đối, phàm cùng thánh đối, tăng cùng tục đối, già cùng trẻ đối, lớn cùng nhỏ đối, đây là mười hai đối vậy.

Tự tánh khởi dụng có mười chín đối: Dài cùng ngắn đối, tà cùng chánh đối, si cùng tuệ đối, ngu cùng trí đối, loạn cùng định đối, từ cùng đối, giới cùng lỗi đối, thẳng cùng cong đối, thật cùng hư đối, hiểm cùng bình đối, phiền não cùng bờ-đề đối, thường cùng vô thường đối, bi cùng hại đối, hỷ cùng sân đối, xả

cùng bản sển đối, tiến cùng thối đối, sanh cùng diệt đối, pháp thân cùng sắc thân đối, hóa thân cùng báo thân đối, đây là mười chín pháp đối vậy.”

Tổ bảo: “Ba mươi sáu pháp đối này nếu hiểu mà dùng tức là đạo, quán xuyên tất cả kinh pháp, ra vào tức lìa hai bên, tự tánh động dụng, cùng người nói năng, ngoài đối với tướng mà lìa tướng, trong đối với không mà lìa không, nếu toàn chấp tướng tức là tăng trưởng tà kiến, nếu toàn chấp không tức tăng trưởng vô minh, người chấp không là có chê bai kinh. Nói thẳng chẳng dùng văn tự, đã nói chẳng dùng văn tự thì người cũng chẳng nên nói năng, chỉ lời nói năng này liền là tướng văn tự. Lại bảo: Nói thẳng chẳng lập văn tự tức hai chữ chẳng lập này cũng là văn tự, thấy người nói liền chê bai người ta nói là chấp văn tự. Các ông nên biết tự mình mê thì còn khả dĩ, lại chê bai kinh Phật, không nên chê bai kinh vì đó là tội chướng vô số. Nếu chấp tướng bên ngoài mà tác pháp cầu chân, hoặc rộng lập đạo tràng, nói lỗi lầm có không, những người như thế nhiều kiếp không thể thấy tánh; chỉ nghe y pháp tu hành, lại chớ có trăm vật chẳng nghĩ, mà đối với đạo tánh sanh chướng ngại; nếu

nghe nói chẳng tu khiến người biến sanh tà niệm, chỉ y pháp tu hành, bỏ thí pháp mà không trụ tướng. Các ông nếu ngộ, y đây mà nói, y đây mà dùng, y đây mà hành, y đây mà tạo tác, tức không mất bản tông. Nếu có người hỏi nghĩa ông, hỏi có thì đem không đáp, hỏi không thì đem có đáp, hỏi phàm thì đem thánh đáp, hỏi thánh lấy phàm đáp, hai bên làm nhân cho nhau sanh ra nghĩa trung đạo, như một hỏi một đáp, bao nhiêu câu hỏi khác đều y đây mà khởi tác dụng, tức không mất chân lý. Giả sử có người hỏi sao gọi là tối thì đáp rằng: Sáng là nhân, tối là duyên, sáng mất tức là tối, dùng sáng để hiển tối, dùng tối để hiển sáng, qua lại làm nhân cho nhau thành nghĩa trung đạo, ngoài ra hỏi những câu khác thấy đều như đây mà đáp. Các ông về sau truyền pháp y đây mà chỉ dạy cho nhau, chớ làm mất tông chỉ.”

Vào niên hiệu Thái Cực năm Nhâm Tý, Diên Hòa (Năm Nhâm Tí niên hiệu Thái Cực, tháng năm cải nguyên Diên Hòa, tháng tám cải nguyên Tiên Thiên.) tháng bảy (712 DL), Tổ sai đệ tử đến Tân Châu, chùa Quốc Ân dựng tháp và khiến thợ khởi công gấp, năm kế cuối mùa hạ lạc thành, ngày mùng một tháng bảy Tổ họp đồ chúng bảo rằng: “Tôi đến tháng tám

muốn lia thế gian, các ông có nghi phải hỏi nhau sớm, tôi vì các ông phá nghi khiến các ông dứt mê, nếu tôi đi rồi, sau không có người dạy các ông”. Ngài Pháp Hải v.v... nghe Tổ nói thấy đều rơi lệ chỉ có Thần Hội thần tình bất động, cũng không có khóc.

Tổ bảo: “Thần Hội tiểu sư lại được thiện bất thiện cùng là đồng, khen chê chẳng động, vui buồn chẳng sanh, ngoài ra đều không được, ở trong núi mấy năm, cứu kính tu đạo gì? Nay các ông buồn khóc là vì lo cho ai? Nếu lo ta chẳng biết chỗ đi thì ta tự biết chỗ đi, nếu ta chẳng biết chỗ đi thì trọn không báo trước cho các ông, các ông buồn khóc bởi vì chẳng biết chỗ đi của ta, nếu biết chỗ đi của ta tức không nên buồn khóc. Pháp tánh vốn không sanh diệt đi lại, các ông ngồi đây ta sẽ vì các ông nói một bài kệ gọi là Chân giả động tịnh kệ. Các ông tụng bài này cùng với ta ý đồng, y đây mà tu hành thì không mất tông chỉ.” Chúng Tăng đều làm lễ, Tổ nói kệ rằng:

“Tất cả không có chân,
 Chẳng do thấy nơi chân,
 Nếu thấy được cái chân,

Thấy đó trọn không chân.
Nếu hay tự có chân,
Lìa giả tức tâm chân,
Tự tâm không lìa giả,
Không chân chỗ nào chân.
Hữu tình tức biết động,
Vô tình tức không động,
Nếu tu hạnh bất động,
Động vô tình bất động.
Nếu tìm chân bất động,
Trên động có bất động,
Bất động là bất động,
Vô tình không Phật tánh.
Hay khéo phân biệt tướng,
Đệ nhất nghĩa bất động,
Chỉ khởi cái thấy này,
Là dụng của chân như.
Bảo những người học đạo,
Gắng sức phải dụng tâm,
Chớ đối pháp Đại thừa,

Lại chấp trí sanh tử.
 Nếu bàn luận tương ưng,
 Liên cùng bàn nghĩa Phật,
 Nếu thật không tương ưng,
 Chấp tay khiến hoan hỷ.
 Tông này vốn không tranh,
 Tranh tức mất ý đạo,
 Chấp nghịch tranh pháp môn,
 Tự tánh vào sanh tử.”

Khi ấy đồ chúng nghe Tổ nói kệ rồi thấy
 đều làm lễ, biết rõ ý Tổ, mỗi người nhiếp tâm,
 y theo pháp tu hành, lại không dám tranh cãi.
 Biết Tổ không còn ở đời bao lâu, Thượng tọa
 Pháp Hải lại đánh lễ hỏi rằng: “Sau khi Hòa
 thượng nhập diệt, y pháp sẽ trao cho người
 nào?”

Tổ bảo: “Tôi ở chùa Đại Phạm nói pháp
 cho đến ngày nay, sao chép để lưu hành, gọi là
 Pháp Bảo Đàn Kinh, các ông gìn giữ, truyền
 trao cho nhau, độ các quần sanh, chỉ y nơi lời
 nói này, ấy gọi là chánh pháp, nay vì các ông
 nói pháp chớ chẳng trao y, bởi vì các ông tín
 căn đã thuần thực, quyết định không còn nghi

ngờ, kham nhận được đại sự, nhưng cứ theo ý bài kệ “Phó thọ” của Sơ tổ Đạt-ma, y không nên truyền. Kệ rằng:

Ta đến ở cõi này,

Truyền pháp cứu mê tình.

Một hoa nở năm cánh,

Kết quả tự nhiên thành.”

Tổ lại bảo: “Các Thiện tri thức, các ông mỗi người nên tịnh tâm lắng nghe tôi nói pháp, nếu muốn thành tựu chủng trí phải đạt được nhất tướng tam-muội và nhất hạnh tam-muội. Nếu ở tất cả chỗ mà không trụ tướng, ở trong tướng kia, không sanh yêu ghét, cũng không thủ xả, chẳng nghĩ các việc lợi ích thành hoại v.v... an nhàn điềm tịnh, hư dung đạm bạc, đây gọi là nhất tướng tam-muội. Nếu ở tất cả chỗ đi đứng nằm ngồi thuần một trực tâm, không động đạo tràng, chân thành Tịnh độ, đây gọi là nhất hạnh tam-muội. Nếu người đủ hai tam-muội này như đất đã có chứa hạt giống, nuôi dưỡng lớn lên, thành thực được hạt kia, nhất tướng nhất hạnh cũng lại như thế. Nay tôi nói pháp ví như khi mưa ướt khắp cả quả đất, Phật tánh của các ông ví như là hạt giống gặp

được sự thắm ướn này thầy đều phát sanh, nương lời chỉ dạy của tôi, quyết định được Bồ-đề, y theo hạnh của tôi, quyết định chứng được diệu quả, hãy nghe tôi nói kệ:

Đất tâm chứa hạt giống,
Mưa rưới thảy nảy mầm,
Đón ngộ hoa tình rồi,
Quả Bồ-đề tự thành.”

Tổ nói kệ rồi bảo: “Pháp kia không hai, tâm kia cũng vậy, đạo kia thanh tịnh, cũng không các tướng, các ông dè dặt chớ quán tịnh và để tâm kia không, tâm này vốn tịnh, không nên thủ xả, mỗi người tự nỗ lực tùy duyên đi vui vẻ.” Khi ấy cả thầy chúng đều làm lễ thôi lui.

Đến ngày mừng tám tháng bảy, Tổ chột bảo đệ tử rằng: “Tôi muốn trở về Tân Châu, các ông hãy chóng sửa sang thuyền chèo.” Đại chúng đều buồn bã, cố cầm Tổ ở lại. Tổ bảo: “Chư Phật xuất hiện còn phải thị tịch Niết-bàn, có lại tất có đi, lý vẫn thường nhiên, hình hài của tôi đây trở về ắt có chỗ.”

Chúng thưa: “Thầy từ đây đi, bao giờ mới trở về?”

Tổ bảo: “Lá rụng về cội, trở lại không hẹn ngày.”

Lại hỏi rằng: “Chánh pháp nhân tạng truyền trao cho người nào?”

Tổ bảo: “Người có đạo thì được, người không tâm thì thông.”

Lại hỏi: “Về sau có nạn hay chẳng?”

Tổ bảo: “Tôi diệt độ khoảng năm, sáu năm, sẽ có một người đến cắt đầu của tôi, nghe tôi huyền ký rằng:

Trên đầu nuôi thân,

Nơi miệng để ăn,

Gặp nạn họ Mãn,

Dương Liễu làm quan.”

Lại nói: “Tôi đi khoảng bảy mươi năm, có hai vị Bồ-tát từ phương Đông lại, một người xuất gia, một người tại gia, đồng thời hưng hóa, dựng lập tông tôi, kiến thiết những ngôi già-lam, xương long cho chánh pháp tiếp nối.”

Hỏi: “Chưa biết từ trước Phật Tổ ứng hiện đến nay, sự truyền thọ được bao nhiêu đời, mong Ngài thương xót chỉ dạy.”

Tổ bảo: “Cổ Phật hiện ra đời đã vô số lượng, không thể kể hết, nay kể từ bảy đức Phật làm đầu. Thuở quá khứ kiếp Trang Nghiêm có:

Phật Tì-bà-thi,

Phật Thi-khí,

Phật Tỳ-xá-phù;

Hiện kiếp này có:

Phật Câu-lưu-tôn,

Phật Câu-na-hàm-mâu-ni,

Phật Ca-diếp và

Phật Thích-ca-văn.

Đó là bảy đức Phật. Nay do đức Phật Thích-ca-văn đầu tiên truyền cho:

Tôn giả Ma-ha-ca-diếp,

Tổ thứ 2 là A-nan,

Tổ thứ 3 là Thương-na-hòa-tu,

Tổ thứ 4 là Ưu-ba-cúc-đa,

Tổ thứ 5 là Đề-đa-ca,

Tổ thứ 6 là Di-giá-ca,

Tổ thứ 7 là Bà-tu-mật-đa,

- Tổ thứ 8 là Phậ-đà-nan-đề,**
Tổ thứ 9 là Phục-đà-mật-đa,
Tổ thứ 10 là Hiếp tôn-giả,
Tổ thứ 11 là Phú-na-dạ-xa,
Tổ thứ 12 là Mã Minh,
Tổ thứ 13 là Ca-tỳ-ma-la,
Tổ thứ 14 là Long Thọ,
Tổ thứ 15 là Ca-na-đề-bà,
Tổ thứ 16 là La-hầu-la-đa,
Tổ thứ 17 là Tăng-già-nan-đề,
Tổ thứ 18 là Già-da-xá-đa,
Tổ thứ 19 là Cưu-ma-la-đa,
Tổ thứ 20 là Xà-dạ-đa,
Tổ thứ 21 là Bà-tu-bàn-đầu,
Tổ thứ 22 là Ma-noa-la,
Tổ thứ 23 là Hạc-lặc-na,
Tổ thứ 24 là Sư Tử,
Tổ thứ 25 là Bà-xá-tư-đa,
Tổ thứ 26 là Bất-như-mật-đa,
Tổ thứ 27 là Bất-nhã-đa-la,

Tổ thứ 28 là Bồ-đề-đạt-ma, Ngài cũng là Sơ Tổ ở Trung Hoa,

Tổ thứ 29 là Huệ Khả,

Tổ thứ 30 là Tăng Xán,

Tổ thứ 31 là Đạo Tín,

Tổ thứ 32 là Hoàng Nhãn,

Huệ Năng là Tổ thứ 33.

Từ trước chư Tổ mỗi vị đều có bầm thừa, các ông về sau phải theo thứ tự truyền trao, chớ khiến sai lầm.”

Năm thứ hai niên hiệu Tiên Thiên (713 DL), năm Quý Sửu ngày mùng ba tháng tám (tháng mười hai năm ấy đổi là Khai Nguyên), Tổ ở tại chùa Quốc Ân sau buổi ngộ trai, bảo các đồ chúng rằng: “Các ông mỗi người cứ ngồi y chỗ cũ, tôi cùng các ông từ biệt.”

Ngài Pháp Hải bạch rằng: “Hòa thượng để lại giáo pháp gì khiến cho những người mê đời sau được thấy Phật tánh?”

Tổ bảo: “Các ông lắng nghe, những người mê đời sau nếu biết chúng sanh tức là Phật tánh, nếu chẳng biết chúng sanh muôn kiếp tìm Phật cũng khó gặp. Nay tôi dạy các ông

biết tự tâm chúng sanh, thấy tự tâm Phật tánh. Muốn cầu thấy Phật, chỉ biết chúng sanh, chỉ vì chúng sanh mê Phật, chẳng phải Phật mê chúng sanh. Tự tánh nếu ngộ, chúng sanh là Phật, tự tánh nếu mê Phật là chúng sanh, tự tánh bình đẳng chúng sanh là Phật, tự tánh tà hiểm Phật là chúng sanh. Tâm các ông nếu hiểm khúc tức Phật ở trong chúng sanh, một niệm bình trực tức là chúng sanh thành Phật. Tâm tôi tự có Phật, tự Phật đó là chân Phật, nếu tự không có tâm Phật thì chỗ nào cầu được chân Phật? Các ông tự tâm là Phật lại chớ hồ nghi, ngoài không một vật mà hay dựng lập đều là bản tâm sanh ra muôn pháp, nên kinh nói tâm sanh các thứ pháp sanh, tâm diệt các thứ pháp diệt. Nay tôi để bài kệ cùng các ông từ biệt gọi là Tự Tánh Chân Phật Kệ, người đời sau biết được ý kệ này, tự thấy bản tâm, tự thành Phật đạo. Kệ rằng:

Chân như tự tánh là chân Phật,
 Tà kiến tam độc là ma vương,
 Khi tà mê ma ở trong nhà,
 Khởi chánh kiến Phật ở trong nhà.
 Trong tánh tà kiến tam độc sanh,

Tức là ma vương đến trong nhà,
Chánh kiến tự trừ tâm tam độc,
Ma biến thành Phật thật không giả.
Pháp thân báo thân và hóa thân,
Ba thân xưa nay là một thân,
Nếu nhằm trong tánh hay tự thấy,
Tức là nhân Bồ-đề thành Phật.
Vốn từ hóa thân sanh tánh tịnh,
Tánh tịnh thường ở trong hóa thân,
Tánh khiến hóa thân hành chánh đạo,
Về sau viên mãn thật không cùng.
Tánh dâm vốn là nhân tánh tịnh,
Trừ dâm tức là thân tánh tịnh,
Trong tánh mỗi tự lìa ngũ dục,
Thấy tánh sát-na tức là chân.
Đời này nếu gặp pháp đốn giáo,
Chợt ngộ tự tánh thấy được Phật,
Nếu muốn tu hành mong làm Phật,
Không biết nơi nào nghĩ tìm chân.
Nếu hay trong tâm tự thấy chân,

**Có chân tức là nhân thành Phật,
 Chẳng thấy tự tánh ngoài tìm Phật,
 Khởi tâm thấy là người đại si.
 Pháp môn đốn giáo nay lưu truyền,
 Cứu độ người đời phải tự tu,
 Bảo ông người học đạo đời sau,
 Không khởi thấy này rất xa xôi.”**

Tổ nói kệ rồi bảo rằng: “Các ông ở lại an vui, sau khi tôi diệt độ, chớ làm theo thế gian khóc lóc như mưa, nhận lễ vật diếu tang, thân mặc hiếu phục, chẳng phải là đệ tử của tôi cũng không phải là chánh pháp. Chỉ biết tự bản tâm, thấy tự bản tánh, không động không tịnh, không sanh không diệt, không đi không lại, không phải không quấy, không trụ không vắng, e các ông trong tâm mê, không hiểu ý tôi, nay lại dặn dò các ông khiến các ông thấy tánh. Sau khi tôi diệt độ, y theo đây tu hành, như ngày tôi còn sống, nếu trái lời tôi dạy, giả sử tôi còn ở đời, cũng không có lợi ích gì. Tổ lại nói kệ rằng:

**Ngơ ngơ không tu thiện,
 Ngáo ngáo không làm ác,**

Lặng lẽ dứt thấy nghe,

Thên thang tâm không dính.

Tổ nói kệ rồi ngồi ngay thẳng đến canh ba, chợt bảo đệ tử rằng: “Tôi đi nhé!” Rồi im lặng mà hóa. Khi ấy mùi hương lạ đầy cả thất, có một móng trắng vòng giáp đất, trong rừng cây cối đều biến thành màu trắng, cảm thú kêu vang bi thương.

Đến tháng mười một, quan liêu cùng môn nhân tăng tục ba quận Quảng, Thiệu, Tân, đua nhau tới đón thân của Tổ, không giải quyết được việc tranh giành mới thấp hương khẩn đảo rằng: “Khói hương chỉ về chỗ nào là Tổ về chỗ ấy.” Khi ấy khói hương bay thẳng về Tào Khê. Ngày mười ba tháng mười một dời thần khám và những y bát được truyền trở về. Năm kế tháng bảy mới mở khám, đệ tử Phương Biện dùng đất trầm tô lên trên, đệ tử nhớ lại lời huyền ký sẽ bị lấy đầu của Tổ, mới lấy sắt lá bao quanh cổ để giữ cổ của Tổ rồi đưa vào trong tháp, chợt trong tháp có hào quang trắng hiện ra thẳng lên trên trời, ba ngày mới tan. Thiệu Châu tâu lên vua và phụng sắc lập bia ghi đạo hạnh của Tổ. Tổ sống bảy mươi sáu tuổi, hai mươi bốn tuổi được truyền y, năm ba

mười chín tuổi mới thể phát, nói pháp lợi sanh ba mươi bảy năm, đệ tử nói pháp bốn mươi ba người, người ngộ đạo siêu phàm không biết bao nhiêu mà tính. Tín y của Tổ Đạt-ma truyền, áo Ma Nạp cùng với bát báu của vua Trung Tông ban cho và tượng của Phương Biện đắp cùng với những đạo cụ của Tổ để tại đạo tràng Bảo Lâm, lưu truyền kinh Pháp Bảo Đàn để bày tông chỉ của Tổ, hưng long Tam Bảo và lợi ích quần sanh./.

